



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 57 + 58

Ngày 21 tháng 5 năm 2026

## MỤC LỤC

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
13-5-2026	Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2
14-5-2026	Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 33
15-5-2026	Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 45
15-5-2026	Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 64
18-5-2026	Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 77

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số 119/TTr-STC ngày 13/4/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY TRÌNH

**Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định việc kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, bao gồm: phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra và một số nội dung khác có liên quan.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp; Đoàn kiểm tra và các thành viên Đoàn kiểm tra; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra; và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh.

#### Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

- Tuân thủ quy định của pháp luật trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh và các quy định pháp luật có liên quan.
- Đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục.
- Không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác, không gây cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra.
- Ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.
- Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tuân thủ pháp luật tốt.
- Việc lập, gửi, nhận và lưu trữ hồ sơ, tài liệu, biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra được thực hiện dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và có giá trị pháp lý tương đương.

#### Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) có thẩm quyền trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; đồng thời, theo dõi, kiểm tra cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trưởng Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) có thẩm quyền trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### **Điều 5. Hình thức kiểm tra**

1. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất.

2. Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

3. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, phòng, chống tham nhũng hoặc theo yêu cầu cấp thiết phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Kiểm tra trực tiếp tại địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên hồ sơ, dữ liệu điện tử.

### **Điều 6. Thời hạn kiểm tra**

1. Thời hạn thực hiện một cuộc kiểm tra được quy định như sau:

a) Cuộc kiểm tra do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện không quá 7 ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 3 ngày làm việc.

b) Cuộc kiểm tra do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện không quá 5 ngày làm việc, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 2 ngày làm việc.

2. Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố Quyết định kiểm tra đến ngày hoàn thành kiểm tra. Ngày hoàn thành kiểm tra được xác định như sau: đối với trường hợp kiểm tra trực tiếp tại cơ sở của đơn vị được kiểm tra là ngày kết thúc việc kiểm tra tại cơ sở; đối với trường hợp không tiến hành kiểm tra trực tiếp là ngày ban hành thông báo kết thúc kiểm tra.

3. Việc gia hạn thời gian kiểm tra do người ra Quyết định kiểm tra quyết định.

## **Điều 7. Tần suất kiểm tra**

Tần suất kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh được thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

## **Chương II QUY TRÌNH TỔ CHỨC KIỂM TRA**

### **Điều 8. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra**

1. Việc lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh Đắk Lắk; lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Giám đốc Sở Tài chính về việc xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm của Sở Tài chính.

2. Việc lập, phê duyệt kế hoạch kiểm tra nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Việc điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra hàng năm được điều chỉnh trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý nhà nước, tình hình thực tiễn hoặc khi phát sinh nội dung cần kiểm tra ngoài kế hoạch; việc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra phải được người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra quyết định.

b) Kế hoạch kiểm tra sau khi được phê duyệt và nội dung điều chỉnh (nếu có) phải được công khai kịp thời, chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt hoặc điều chỉnh.

c) Hình thức công khai bao gồm: đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt kế hoạch kiểm tra; gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

d) Việc công khai kế hoạch kiểm tra phải bảo đảm minh bạch, tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 9. Ban hành Quyết định kiểm tra**

1. Hoạt động kiểm tra phải được cấp có thẩm quyền ra Quyết định kiểm tra, trong đó thành lập Đoàn kiểm tra bao gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu cần thiết) và thành viên đoàn.

Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem

xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

Việc thay đổi Trưởng đoàn hoặc thành viên Đoàn kiểm tra do người ban hành quyết định kiểm tra quyết định và thông báo cho đối tượng kiểm tra.

2. Cấp có thẩm quyền ra Quyết định kiểm tra được nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Giám đốc Sở Tài chính ban hành Quyết định kiểm tra đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp Giám đốc Sở Tài chính vắng mặt hoặc khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tài chính phân công một Phó Giám đốc Sở thay mặt Giám đốc Sở ký ban hành Quyết định kiểm tra theo phạm vi, lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định kiểm tra đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vắng mặt hoặc khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công một Phó Chủ tịch thay mặt Chủ tịch ký ban hành Quyết định kiểm tra theo phạm vi, lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

3. Việc trình, ban hành Quyết định kiểm tra phải dựa trên căn cứ sau:

a) Căn cứ kế hoạch kiểm tra đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Theo chỉ đạo, yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

d) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).

Quyết định kiểm tra sau khi ban hành được gửi cho đối tượng kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định kiểm tra được thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Xây dựng, phê duyệt, phổ biến kế hoạch tiến hành kiểm tra

a) Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người đứng đầu đơn vị phê duyệt trước khi công bố Quyết định kiểm tra.

b) Nội dung của kế hoạch kiểm tra gồm:

Mục đích, yêu cầu.

Phạm vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ, thời hạn. Tùy theo mục đích, yêu cầu của cuộc kiểm tra, nội dung kiểm tra có thể bao gồm toàn bộ hoặc một phần các nội dung quy định tại Chương III Quy trình này.

Phương pháp tiến hành kiểm tra, tiến độ thực hiện, chế độ thông tin báo cáo (nếu có), việc sử dụng phương tiện, thiết bị, kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Kế hoạch tiến hành kiểm tra được thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Trưởng Đoàn kiểm tra phổ biến, quán triệt kế hoạch tiến hành kiểm tra đến các thành viên Đoàn kiểm tra. Phân công nhiệm vụ cho thành viên Đoàn kiểm tra bằng văn bản, nêu rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện, thời kỳ báo cáo, gửi cho thành viên Đoàn kiểm tra để thực hiện và gửi người ra quyết định kiểm tra để báo cáo.

d) Điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra

Trường hợp cần thiết xuất phát từ yêu cầu, mục đích kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra có thể được điều chỉnh.

Trưởng Đoàn kiểm tra dự thảo kế hoạch tiến hành kiểm tra điều chỉnh trình người đứng đầu đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra phê duyệt. Nội dung điều chỉnh kế hoạch tiến hành kiểm tra không được trái với Quyết định kiểm tra.

Kế hoạch tiến hành kiểm tra điều chỉnh phải được phổ biến theo quy định tại điểm c nêu trên và là căn cứ để điều chỉnh phân công nhiệm vụ của các thành viên Đoàn kiểm tra (nếu có).

5. Xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng báo cáo.

Căn cứ Quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo. Đề cương yêu cầu báo cáo thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Thời gian gửi văn bản, đề cương báo cáo ít nhất 05 ngày làm việc trước thời điểm công bố Quyết định kiểm tra để đối tượng kiểm tra có thời gian chuẩn bị, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ hình thức báo cáo, thời hạn nộp báo cáo.

6. Thông báo về việc công bố Quyết định kiểm tra.

Trên cơ sở Quyết định kiểm tra đã được ban hành, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến đối tượng kiểm tra về việc công bố Quyết định kiểm tra. Thông báo phải nêu rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự cuộc họp.

## **Điều 10. Tiến hành kiểm tra**

1. Công bố Quyết định kiểm tra

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra công bố Quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc, những công việc khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm tra.

Việc công bố Quyết định kiểm tra phải được lập thành biên bản, có chữ ký của Trưởng Đoàn kiểm tra và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật. Biên bản công bố Quyết định kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Đoàn kiểm tra có thể thực hiện công bố quyết định kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

Trong trường hợp việc tiến hành kiểm tra được trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử: Người ra Quyết định kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

## 2. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra

a) Trưởng Đoàn kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra. Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Việc giao nhận hồ sơ, tài liệu phải lập thành biên bản. Biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu thực hiện theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Trong quá trình kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm tra hoặc thành viên Đoàn kiểm tra tiếp tục yêu cầu đối tượng kiểm tra, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra. Việc cung cấp thông tin, tài liệu được thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc Đoàn kiểm tra lập biên bản về việc cung cấp thông tin, tài liệu.

c) Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

## 3. Xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu.

a) Trên cơ sở báo cáo của đối tượng kiểm tra và các thông tin, tài liệu đã thu thập được, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm đối chiếu, so sánh, đánh giá; yêu cầu đối tượng kiểm tra giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (khi thấy cần thiết) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của những thông tin, tài liệu đã kiểm tra, xác minh.

b) Trường hợp kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu tại cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là đối tượng kiểm tra thì thành viên Đoàn kiểm tra phải đề xuất xin ý kiến Trưởng Đoàn kiểm tra và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn kiểm tra. Kết quả kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra phải được thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, xác minh hoặc Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, xác minh thực hiện theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## 4. Xử lý sai phạm được phát hiện khi tiến hành kiểm tra

a) Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra quyết định lập biên bản về việc sai phạm là cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với sai phạm là hành vi vi phạm hành chính, Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính (trừ trường hợp không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định) để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Trường hợp sai phạm được phát hiện không thuộc quyền xử lý thì Trưởng Đoàn kiểm tra báo cáo người ra Quyết định kiểm tra bằng văn bản đề kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định kiểm tra xem xét, quyết định thông báo vụ việc sang Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp này, Đoàn kiểm tra tiếp tục thực hiện kiểm tra theo kế hoạch tiến hành kiểm tra đã phê duyệt và ban hành Kết luận kiểm tra theo quy định của pháp luật.

#### 5. Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

a) Thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra cho Trưởng Đoàn kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất của Trưởng Đoàn kiểm tra.

b) Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với người ra Quyết định kiểm tra về tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo kế hoạch tiến hành kiểm tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất của người ra Quyết định kiểm tra.

c) Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra được thể hiện bằng văn bản, gồm các nội dung: tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đến ngày báo cáo; nội dung kiểm tra đã hoàn thành, kết quả phân việc đã kiểm tra, nội dung kiểm tra đang tiến hành; dự kiến công việc thực hiện trong thời gian tới; khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp giải quyết.

d) Người ra Quyết định kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra phải kiểm tra và có ý kiến chỉ đạo cụ thể, xử lý kịp thời đối với đề xuất, kiến nghị của Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn Kiểm tra theo Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

#### 6. Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra trong quá trình kiểm tra

a) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra theo yêu cầu của người ra Quyết định kiểm tra.

Trường hợp người ra Quyết định kiểm tra thấy cần phải sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra thì người ra Quyết định kiểm tra có văn bản yêu cầu Trưởng Đoàn kiểm tra thực hiện.

Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thông báo nội dung sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra cho thành viên Đoàn kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra theo đề nghị Đoàn kiểm tra.

Trưởng Đoàn kiểm tra có văn bản đề nghị người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra phải nêu rõ lý do, nội dung sửa đổi, bổ sung và những nội dung khác có liên quan.

Đoàn kiểm tra thảo luận về đề nghị sửa đổi, bổ sung kế hoạch, tiến hành kiểm tra. Các ý kiến khác nhau phải được báo cáo đầy đủ với người ra Quyết định kiểm tra.

Khi người ra Quyết định kiểm tra có văn bản phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra căn cứ ý kiến phê duyệt để sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành kiểm tra và tổ chức thực hiện.

7. Thay đổi Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra; bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra

a) Trong quá trình kiểm tra, việc thay đổi Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra được thực hiện trong trường hợp Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ kiểm tra, vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan mà không thể thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

b) Việc thay đổi Trưởng Đoàn kiểm tra.

Trường hợp Trưởng Đoàn kiểm tra đề nghị được thay đổi: Trưởng Đoàn kiểm tra báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do gửi người ra Quyết định kiểm tra.

Trường hợp người ra Quyết định kiểm tra chủ động thay đổi: Người ra Quyết định kiểm tra thông báo cho Trưởng Đoàn kiểm tra lý do phải thay đổi.

Người ra Quyết định kiểm tra giao cho người dự kiến thay thế làm Trưởng Đoàn kiểm tra dự thảo quyết định thay đổi Trưởng Đoàn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra ký ban hành.

c) Việc bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra được thực hiện trong trường hợp cần bảo đảm tiến độ, chất lượng kiểm tra hoặc để đáp ứng các yêu cầu khác phát sinh trong quá trình kiểm tra.

d) Việc thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra do Trưởng Đoàn kiểm tra đề nghị bằng văn bản. Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung phải ghi rõ lý do, họ tên, chức danh thành viên được thay đổi, bổ sung.

Nếu người ra Quyết định kiểm tra đồng ý thay đổi, bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra dự thảo quyết định thay đổi, bổ sung trình người ra Quyết định kiểm tra ký ban hành.

8. Gia hạn thời gian kiểm tra

a) Các trường hợp gia hạn thời gian kiểm tra

Cuộc kiểm tra phức tạp, liên quan đến nhiều nội dung, đối tượng, địa bàn.

Đối tượng kiểm tra hoặc các tổ chức, cá nhân có liên quan không hợp tác, cản trở, chống đối, gây khó khăn làm ảnh hưởng đến thời hạn kiểm tra.

Các sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến thời hạn kiểm tra.

b) Trưởng Đoàn kiểm tra báo cáo người ra Quyết định kiểm tra bằng văn bản về việc gia hạn thời hạn kiểm tra, nêu rõ lý do, sự cần thiết phải gia hạn, kèm theo dự thảo Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định.

c) Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra thực hiện theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra

a) Chuẩn bị kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức họp Đoàn kiểm tra thống nhất các nội dung công việc cần thực hiện cho đến ngày kết thúc kiểm tra tại nơi được kiểm tra.

b) Trưởng Đoàn kiểm tra thực hiện báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định kiểm tra về dự kiến kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra; nội dung báo cáo là một phần của báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra được quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Trưởng Đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản về thời gian kết thúc kiểm tra đối với đối tượng kiểm tra theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp cần thiết, khi có nội dung cần trao đổi, làm rõ hoặc thống nhất, Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức buổi làm việc với đối tượng kiểm tra trong thời hạn kiểm tra để thông báo việc kết thúc kiểm tra.

### **Điều 11. Kết thúc kiểm tra**

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết thúc kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Trưởng Đoàn kiểm tra về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan, trung thực của nội dung báo cáo đó.

2. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Đoàn kiểm tra và căn cứ hồ sơ, tài liệu thu thập, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng Báo cáo kết quả kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra và chịu trách nhiệm trước người ra Quyết định kiểm tra và trước pháp luật về tính chính xác, khách quan, trung thực của nội dung báo cáo đó.

Trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra ký văn bản gửi các đơn vị có liên quan cần lấy ý kiến phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị và chịu trách nhiệm về việc tiếp thu, hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra. Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm

gửi văn bản tham gia ý kiến trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân do người ra Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định.

Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### 3. Xem xét báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra

a) Người ra Quyết định kiểm tra xem xét, đánh giá, có ý kiến các nội dung trong báo cáo kết quả kiểm tra. Trong trường hợp cần làm rõ hoặc bổ sung thêm nội dung của báo cáo kết quả kiểm tra, người ra Quyết định kiểm tra yêu cầu Trưởng Đoàn kiểm tra và các thành viên Đoàn kiểm tra báo cáo hoặc tổ chức họp Đoàn kiểm tra để nghe báo cáo trực tiếp.

b) Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức việc bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đối với trường hợp phải làm rõ hoặc bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của người ra Quyết định kiểm tra.

### 4. Xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra

Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra và báo cáo bổ sung (nếu có) của Đoàn kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra chủ trì xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra trình người ra Quyết định kiểm tra để xem xét, quyết định.

Trưởng Đoàn kiểm tra có quyền bảo lưu ý kiến về nội dung dự thảo Kết luận kiểm tra trước người ra Quyết định kiểm tra.

### 5. Ban hành kết luận kiểm tra

a) Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra và ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, người ra Quyết định kiểm tra chỉ đạo hoàn thiện dự thảo kết luận kiểm tra, ký ban hành kết luận kiểm tra.

b) Kết luận kiểm tra được gửi cho đối tượng kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo. Kết luận kiểm tra theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### 6. Công khai kết luận kiểm tra

a) Người ra Quyết định kiểm tra quyết định việc công khai kết luận kiểm tra, trừ nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Việc công khai kết luận kiểm tra có thể được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Công bố tại cuộc họp; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan; niêm yết kết luận tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra trong thời hạn ít nhất 05 ngày liên tục.

7. Người ra Quyết định kiểm tra có thể ban hành kết luận bổ sung, sửa đổi, thay thế một phần hoặc toàn bộ kết luận khi có căn cứ cho thấy kết luận kiểm tra không đảm bảo đầy đủ, chính xác, khách quan, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà

nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trình tự, thủ tục ban hành, công khai kết luận bổ sung, sửa đổi, thay thế kết luận được thực hiện như trình tự, thủ tục ban hành, công khai kết luận kiểm tra.

#### 8. Kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành kết luận kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức họp để kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra.

b) Nội dung họp kết thúc hoạt động của Đoàn kiểm tra, bao gồm: Đánh giá kết quả kiểm tra so với mục đích, yêu cầu; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng kết, trao đổi những bài học kinh nghiệm.

#### 9. Hồ sơ kiểm tra

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ban hành kết luận kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức hoàn thiện, sắp xếp và bàn giao hồ sơ kiểm tra bước đầu cho cơ quan trực tiếp quản lý Trưởng Đoàn kiểm tra để quản lý theo quy định.

b) Hồ sơ bàn giao kiểm tra, bao gồm:

Quyết định kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, các văn bản bổ sung, sửa đổi quyết định, kế hoạch tiến hành kiểm tra, thay đổi, bổ sung Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra.

Các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, xác minh; các loại báo cáo, báo cáo giải trình của đối tượng kiểm tra, các tài liệu về nội dung, chứng cứ.

Báo cáo của đối tượng kiểm tra; báo cáo tiến độ, báo cáo thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra; kết luận kiểm tra.

Các văn bản về việc xử lý và các văn bản có liên quan đến các kiến nghị xử lý.

c) Việc bàn giao hồ sơ kiểm tra phải được lập thành biên bản. Hồ sơ kiểm tra trong quá trình theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra được tiếp tục quản lý, sử dụng và cập nhật, bổ sung các tài liệu có liên quan.

d) Việc hoàn thiện và lưu trữ chính thức hồ sơ kiểm tra được thực hiện sau khi kết thúc việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này. Cơ quan ban hành Quyết định kiểm tra có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện Kết luận kiểm tra**

#### 1. Nguyên tắc thực hiện kết luận kiểm tra

a) Kết luận kiểm tra phải được tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

b) Các kiến nghị, yêu cầu trong kết luận kiểm tra phải được xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch.

## 2. Chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra

a) Người ra Quyết định kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra có nội dung xin ý kiến chỉ đạo hoặc đối tượng kiểm tra, các tổ chức, cá nhân có liên quan cần có chỉ đạo thực hiện.

b) Việc chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra phải bằng văn bản, trong đó xác định rõ trách nhiệm, thời hạn thực hiện của tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền ra văn bản chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra.

## 3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra

a) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra.

b) Nội dung theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra, bao gồm:

Quá trình chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra (nếu có).

Tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung trong kết luận kiểm tra, văn bản chỉ đạo.

Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc thực hiện kết luận kiểm tra.

Đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo giải trình nguyên nhân chưa hoàn thành các nội dung trong kết luận kiểm tra, văn bản chỉ đạo.

c) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra kết thúc việc theo dõi, đôn đốc; đồng thời hoàn thiện và thực hiện chuyển lưu trữ hồ sơ kiểm tra khi việc thực hiện kết luận kiểm tra đã hoàn thành.

## **Điều 13. Phối hợp, chia sẻ thông tin trong hoạt động kiểm tra**

### 1. Xử lý chồng chéo trong thực hiện kế hoạch kiểm tra

Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp có trách nhiệm tham mưu cho cấp có thẩm quyền gửi dự thảo kế hoạch kiểm tra hàng năm về Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Thanh tra tỉnh rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về chủ trương kế hoạch thanh tra, kiểm tra trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp có trách nhiệm tham mưu cho cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện.

### 2. Trách nhiệm phối hợp trong hoạt động kiểm tra

Đoàn kiểm tra có trách nhiệm xem xét, kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trước đó (nếu có) về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra. Trường hợp có sự không thống nhất giữa các kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì phải báo cáo người ra Quyết định kiểm tra xem xét.

Trong quá trình tiến hành kiểm tra, đơn vị chủ trì cuộc kiểm tra có thể tham khảo ý kiến của các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tiếp thu ý kiến. Việc lấy ý kiến phải được sự đồng ý của người ra Quyết định kiểm tra.

Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản tham gia ý kiến trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

### 3. Chia sẻ thông tin trong hoạt động kiểm tra

#### a) Nguyên tắc chia sẻ thông tin

Việc chia sẻ thông tin trong hoạt động kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh được thực hiện trên cơ sở phục vụ quản lý nhà nước, đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi, bảo đảm không trùng lặp, không chồng chéo với hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Thông tin được chia sẻ phải chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với dữ liệu đã được cập nhật trong Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin Đăng ký hộ kinh doanh, Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

Việc chia sẻ thông tin phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và an ninh mạng.

b) Nội dung thông tin được chia sẻ bao gồm: Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông tin về kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra, kết luận kiểm tra, tình hình thực hiện kết luận kiểm tra trong phạm vi phục vụ công tác quản lý nhà nước và các thông tin khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### c) Trách nhiệm chia sẻ thông tin

Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp, cung cấp và chia sẻ thông tin đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi quản lý phục vụ hoạt động kiểm tra; đồng thời cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin đăng ký vào Hệ thống thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Điều 14. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra**

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp và người ra Quyết định kiểm tra, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra.

2. Nội dung theo dõi, kiểm soát bao gồm:

a) Việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện kế hoạch kiểm tra, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp;

b) Việc ban hành, tổ chức thực hiện Quyết định kiểm tra, hoạt động của Đoàn kiểm tra bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thời hạn;

c) Việc ban hành, thực hiện kết luận kiểm tra; quản lý và lưu trữ hồ sơ kiểm tra theo quy định;

d) Việc phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vướng mắc, sai phạm phát sinh trong hoạt động kiểm tra.

### **Chương III**

## **NỘI DUNG KIỂM TRA VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

### **Điều 15. Nội dung kiểm tra về đăng ký doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp**

1. Chấp hành quy định về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm:

a) Đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

c) Người đăng ký thành lập doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật.

2. Chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về đăng ký trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về treo biển hiệu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

c) Việc thực hiện quy định về đăng ký góp vốn của doanh nghiệp, thời hạn góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.

d) Việc thực hiện quy định về lập và lưu trữ sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông.

đ) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh.

3. Chấp hành quy định về tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện chế độ lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

b) Việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

4. Chấp hành quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể các loại hình doanh nghiệp, bao gồm:

a) Việc thực hiện trình tự thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp.

b) Việc thông báo về việc chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

5. Chấp hành quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, bao gồm:

a) Về thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

b) Về thực hiện quy định về thời hạn nộp báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

c) Kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật tên doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh đối với trường hợp doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

6. Các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký và hoạt động doanh nghiệp.

### **Điều 16. Nội dung kiểm tra về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, gồm:

a) Việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm có:

a) Điều kiện trở thành, chấm dứt tư cách thành viên, hợp tác xã thành viên

b) Góp vốn điều lệ; trả lại, thừa kế vốn góp.

c) Thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

d) Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

đ) Tổ chức quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Tài sản, tài chính tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Giải thể, phá sản, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i) Các nội dung quản lý nhà nước khác về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### **Điều 17. Nội dung kiểm tra về đăng ký hộ kinh doanh**

1. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, gồm:

a) Việc thực hiện quy định trong việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết hồ sơ đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

c) Việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

d) Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh liên quan đến đăng ký hộ kinh doanh.

2. Đối với hộ kinh doanh, gồm có:

a) Chấp hành quy định về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

b) Quyền thành lập hộ kinh doanh, nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh.

3. Chấp hành các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy định về đăng ký trụ sở chính của hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện quy định về treo biển hiệu của hộ kinh doanh.

c) Việc thực hiện quy định về đăng ký góp vốn của hộ kinh doanh.

d) Việc thực hiện quy định về tạm ngừng kinh doanh.

4. Chấp hành quy định về chế độ báo cáo và thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, bao gồm:

a) Về thực hiện quy định về cung cấp thông tin nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

b) Về thực hiện quy định về thời hạn nộp báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

5. Các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký và hoạt động hộ kinh doanh.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Các Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm thực hiện Quy trình kiểm tra này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai, đôn đốc việc thực hiện Quy trình kiểm tra này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thay thế, bãi

bỏ, sửa đổi, bổ sung Quy trình này cho phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Quy trình kiểm tra này được áp dụng kể từ ngày Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quy trình này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định đó./.

**Phụ lục:****BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG KIỂM TRA ĐĂNG KÝ KINH DOANH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND)*

Mẫu số 01	Quyết định kiểm tra
Mẫu số 02	Kế hoạch tiến hành kiểm tra
Mẫu số 03	Đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo
Mẫu số 04	Biên bản công bố Quyết định kiểm tra
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu
Mẫu số 06	Biên bản giao, nhận hồ sơ, tài liệu
Mẫu số 07	Biên bản kiểm tra, xác minh
Mẫu số 08	Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra
Mẫu số 09	Thông báo kết thúc kiểm tra
Mẫu số 10	Báo cáo kết quả kiểm tra
Mẫu số 11	Kết luận kiểm tra

*Mẫu số 01: Quyết định kiểm tra*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 .....(2)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-(3) ....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về.....(4)

.....(5).....

*Căn cứ Luật;*

*Căn cứ Nghị định....;*

*Căn cứ.....;*

*Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ.....;*

*Căn cứ.....;*

*Theo đề nghị của .....*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về..... đối với.....(6)

Thời kỳ kiểm tra.....

Thời hạn kiểm tra là..... ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

**Điều 2.** Thành lập đoàn kiểm tra, gồm các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà: ....., Trưởng đoàn

2. Ông/bà: ....., Phó Trưởng đoàn (nếu có)

3. Ông/bà: ....., Thành viên

4. Ông/bà: ....., Thành viên

**Điều 3.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ cụ thể theo Điều 1 Quyết định này. Đoàn kiểm tra thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định Điều 8, Điều 15 Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về kiểm tra chuyên ngành và các quy định khác có liên quan.

**Điều 4.** Kinh phí và phương tiện hoạt động của Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 5.** Các ông (bà) có tên tại Điều 2; các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan và ..... (7) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận**

Như Điều 5;

..... ;

Lưu VT. (8), HSKT.

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra
- (3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (4) Tên cuộc kiểm tra
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.
- (6) Tên đầy đủ của đối tượng kiểm tra
- (7) Tên đơn vị phối hợp (nếu có).
- (8) Tên viết tắt đơn vị chủ trì kiểm tra

*Mẫu số 02: Kế hoạch tiến hành kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-...., ngày tháng năm

## **KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KIỂM TRA**

Thực hiện Quyết định kiểm tra số: ..... Trưởng Đoàn kiểm tra lập kế hoạch tiến hành kiểm tra như sau:

### **I. Mục đích, yêu cầu**

1. Mục đích:.....
2. Yêu cầu:.....

### **II. Nội dung kiểm tra:**

.....(2)

### **III. Phương pháp tiến hành kiểm tra**

.....(3)

### **IV. Tiến độ thực hiện**

1. Tiến độ thực hiện:.....
2. Chế độ thông tin, báo cáo:.....
3. Phân công nhiệm vụ:.....
4. Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cuộc kiểm tra:.....
5. Những vấn đề khác (nếu có):.....

**PHÊ DUYỆT CỦA.....(4)**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

### **Nơi nhận:**

- .....
- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Lưu: Hồ sơ kiểm tra.

### **Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra
- (2) Phạm vi, nội dung chính, đối tượng, thời kỳ, thời hạn kiểm tra
- (3) Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu; phương pháp kiểm tra, xác minh
- (4) Người ra Quyết định kiểm tra

Mẫu số 03: Đề cương yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Về việc chấp hành quy định của pháp luật về .....**

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....; Đoàn kiểm tra đề nghị tổ chức/cá nhân báo cáo bằng văn bản cho Đoàn kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra theo các nội dung dưới đây.

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Quyết định thành lập (nếu có):

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh (nếu có);

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh  
 .....

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh  
 .....

- Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính.....;

- .....

**II. NỘI DUNG**

Việc thực hiện, chấp hành quy định của pháp luật về các nội dung kiểm tra.

.....

**III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT (nếu có)**

.....

**Nơi nhận:**

-.....;

- .....(2);

- Thành viên Đoàn kiểm tra;

- Lưu: Hồ sơ kiểm tra.

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Người ban hành quyết định kiểm tra

*Mẫu số 04: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN**  
**Công bố Quyết định kiểm tra**

Vào hồi ....giờ ....ngày .../.../....., tại .....(2)....., Đoàn kiểm tra theo Quyết định số ....ngày .../.../..... của.....tiến hành công bố Quyết định kiểm tra về .....(3)

**I. Thành phần tham dự**

1. Đại diện ..... (nếu có)

Ông (bà):.....chức vụ.....

2. Đại diện Đoàn kiểm tra:

Ông (bà):.....chức vụ.....

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

Ông (bà):.....chức vụ.....

4. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có)

Ông (bà):.....chức vụ.....

**II. Nội dung**

1. Trưởng Đoàn kiểm tra đọc toàn văn Quyết định kiểm tra số ....ngày .../.../..... của ..... về việc .....(3) và nêu tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên đoàn kiểm tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra; thống nhất lịch kiểm tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

2. Đại diện đối tượng kiểm tra báo cáo về tình hình triển khai các nội dung sẽ kiểm tra theo đề cương yêu cầu.

3. Các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có):.....

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ .... cùng ngày.

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 02 bản, đơn vị được kiểm tra giữ 01 bản./.

**ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA**

(Ký, ghi rõ tên)

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Địa điểm công bố

*Mẫu số 05: Văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
 Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Về việc cung cấp thông tin, tài liệu.

....., ngày tháng năm

Kính gửi: .....(2)

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....; Đoàn kiểm tra..... đề nghị .....(2) cung cấp những thông tin, tài liệu sau đây:

.....  
 .....

Đề nghị .....(2) cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu nói trên trước ngày ...../...../..... đến .....(3)

**Nơi nhận:**

-.....(2);

Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu.

(3) Đơn vị chủ trì tiến hành kiểm tra.

*Mẫu số 06: Biên bản giao, nhận hồ sơ, tài liệu*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

## **BIÊN BẢN**

### **Giao, nhận hồ sơ, tài liệu**

Vào hồi ....giờ ....ngày ..../.../....., tại .....(2).....,

Chúng tôi gồm:

#### **1. Đại diện Đoàn kiểm tra:**

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

#### **2. Đại diện bên giao**

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

Tiến hành giao, nhận thông tin, tài liệu sau đây:

.....(3)

Việc giao, nhận hoàn thành hồi ....giờ ....ngày ..../.../.....,

Biên bản giao, nhận thông tin, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành...bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản./.

**Đại diện Đoàn kiểm tra**

*(Ký, ghi rõ tên)*

**Bên giao**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

#### **Ghi chú:**

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Địa điểm giao nhận thông tin, tài liệu.

(3) Thông tin, tài liệu giao nhận: tên, loại, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, số tờ và trích yếu nội dung.

*Mẫu số 07: Biên bản kiểm tra, xác minh*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

## BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Quyết định kiểm tra số.....ngày...../...../.... của.....về việc.....(2)

Vào hồi ....giờ ....ngày ..../.../....., tại .....(3)....., Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra về việc.....(4)

### 1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

### 2. Đại diện .....(5)

Ông (bà):.....chức vụ.....

Ông (bà):.....chức vụ.....

### 3. Nội dung kiểm tra, xác minh

.....(6)

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành....bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản./.

**Đại diện Đoàn kiểm tra**

(Ký, ghi rõ tên)

.....(4)

(Ký và ghi rõ họ tên)

#### Ghi chú:

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Tên cuộc kiểm tra.

(3) Nội dung, kết quả kiểm tra, xác minh; ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra, xác minh (nếu có).

*Mẫu số 08: Quyết định gia hạn thời gian kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(3)

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc gia hạn thời gian kiểm tra**

.....(5).....

*Căn cứ Luật;**Căn cứ Nghị định...;**Căn cứ.....;**Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;**Căn cứ.....;**Theo đề nghị của .....***QUYẾT ĐỊNH****Điều 1.** Gia hạn thời gian kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số...ngày.../.../ của.....về việc.....(6)

Thời kỳ kiểm tra.....

Thời hạn gia hạn là .....ngày làm việc kể từ ngày.../.../.....

**Điều 2.** Trưởng Đoàn kiểm tra, (7), (8) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận**

Như Điều 2;

..... ;

Lưu VT, HSKT.

.....(5).....

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra
- (3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (4) Tên cuộc kiểm tra
- (5) Chức danh của người ban hành quyết định kiểm tra.
- (6) Tên cuộc kiểm tra
- (7) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra.
- (8) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra

*Mẫu số 09: Thông báo kết thúc kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
 Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Về việc thông báo kết thúc kiểm tra.

....., ngày tháng năm

Kính gửi: .....(2)

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(3); Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày .../.../... tại .....(4). Đoàn kiểm tra kết thúc việc kiểm tra từ ngày .../.../...

Trường hợp Đoàn kiểm tra cần xác minh hoặc cần cung cấp thêm thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung trước khi kết luận kiểm tra, đề nghị.....(2) cung cấp đầy đủ, kịp thời.

Đoàn kiểm tra thông báo để.....(2) biết.

**Nơi nhận:**

-.....(2);

Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra
- (2) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.
- (3) Tên cuộc kiểm tra.
- (4) Địa điểm tiến hành kiểm tra

*Mẫu số 10: Báo cáo kết quả kiểm tra*

.....(1).....  
**ĐOÀN KIỂM TRA THEO QĐ SỐ ....**  
 Số /ĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả kiểm tra.....(2)**

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(2), từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại.....(3).

Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với.....(4) và tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung kiểm tra.

Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. ....(5)
2. Kết quả kiểm tra, xác minh:.....(6)
3. Kết luận những nội dung đã tiến hành kiểm tra:.....(7)
4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có):.....
5. Những ý kiến khác nhau giữa các thành viên Đoàn kiểm tra (nếu có)
6. Kiến nghị biện pháp xử lý:.....(8)

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra về.....(2), Đoàn kiểm tra xin ý kiến chỉ đạo của..... (9).

**Nơi nhận:**

-.....(2);

Lưu:...(Hồ sơ kiểm tra).

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan ban hành quyết định kiểm tra

(2) Tên cuộc kiểm tra.

(3) Địa điểm kiểm tra.

(4) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra.

(5) Khái quát đặc điểm tình hình, hoạt động có liên quan đến nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra

(6) Các nội dung đã tiến hành kiểm tra.

(7) Kết luận về nội dung kiểm tra, chỉ rõ hạn chế, sai phạm (nếu có) và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(8) Kiến nghị xử lý hành chính; chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm (nếu có) sang cơ quan điều tra và những kiến nghị khác (nếu có).

(9) Người ra Quyết định kiểm tra.

*Mẫu số 11: Kết luận kiểm tra*CƠ QUAN CHỦ QUẢN (1)  
.....(2).....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KL-(3)

....., ngày tháng năm

**KẾT LUẬN KIỂM TRA**  
**Về việc .....(4)**

Thực hiện Quyết định số:.....Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về .....(4), từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tại.....(5).

Xét báo cáo kết quả kiểm tra ngày.../.../... của Trưởng Đoàn kiểm tra, (5)...  
kết luận kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung:.....(6)
2. Kết quả kiểm tra, xác minh:.....(7)
3. Kết luận: .....(8)
4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có):.....
5. Kiến nghị biện pháp xử lý:.....(9)

**Nơi nhận** .....(10).....

.....;

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

..... ;

Lưu VT, HSKT.

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
- (2) Tên cơ quan/đơn vị ban hành quyết định kiểm tra
- (3) Tên viết tắt cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.
- (4) Tên cuộc kiểm tra
- (5) Địa điểm tiến hành kiểm tra.
- (6) Khái quát đặc điểm tình hình, hoạt động có liên quan đến nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra
- (7) Nêu kết quả xác minh.
- (8) Kết luận những nội dung kiểm tra được kiểm tra, nêu rõ kết quả đạt được, tồn tại, sai phạm (nếu có) và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- (9) Xử lý hành chính, chuyển hồ sơ vụ việc sai phạm có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra (nếu có)
- (10) Người ra Quyết định kiểm tra.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 164/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2026, Báo cáo số 199/BC-SNNMT ngày 26 tháng 3 năm 2026, Báo cáo số 283/BC-SNNMT ngày 21 tháng 4 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây):

a) Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

b) Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

c) Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (trừ Điều 10, Điều 11, khoản 3 Điều 12 Quy định hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND);

d) Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 4 Điều 220 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; khoản 4 Điều 47, khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng quản lý đất đai, tổ chức dịch vụ công về đất đai, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước làm việc trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan đến quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## Chương II

## HẠN MỨC GIAO ĐẤT, CÔNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, NHẬN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT; GIẤY TỜ KHÁC VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ TRƯỚC NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 1993

### Điều 3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

1. Khu vực nông thôn: Không quá 400 m<sup>2</sup>.

2. Khu vực đô thị: Không quá 300 m<sup>2</sup>.

3. Hạn mức giao đất ở quy định tại Điều này không áp dụng cho các trường hợp giao đất ở do trúng đấu giá quyền sử dụng đất và bồi thường bằng đất đối với trường hợp thu hồi đất có diện tích lớn hơn hạn mức giao đất ở; xử lý các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại điểm n khoản 3 Điều 124 Luật số 31/2024/QH15.

**Điều 4. Hạn mức giao đất ở thông qua đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị và quy hoạch khu biệt thự**

Hạn mức giao đất ở thông qua đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn hoặc bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận.

**Điều 5. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối**

1. Đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

2. Đất trồng cây lâu năm

a) Các xã, phường ở đồng bằng: Không quá 10 ha;

b) Các xã, phường ở miền núi: Không quá 30 ha.

3. Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.

4. Trường hợp cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha đối với xã, phường ở đồng bằng, không quá 25 ha đối với xã, phường ở miền núi; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25 ha.

**Điều 6. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993**

1. Đối với trường hợp sử dụng đất từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 thì hạn mức công nhận đất ở được xác định bằng ba (03) lần hạn mức giao đất tối đa theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì hạn mức công nhận đất ở được xác định bằng một phẩy năm (1,5) lần hạn mức giao đất tối đa theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

**Điều 7. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân**

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 176 của Luật số 31/2024/QH15.

**Điều 8. Hạn mức công nhận đất nông nghiệp do tự khai hoang cho hộ gia đình, cá nhân**

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 176 của Luật số 31/2024/QH15 và được tính vào tổng diện tích công nhận đất nông nghiệp, nếu vượt hạn mức thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất theo quy định.

**Điều 9. Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 137 Luật số 31/2024/QH15**

1. Giấy tờ đã thị thực, đăng tịch, sang tên tại Văn phòng chương khế, Ty điền địa, Sở địa chánh, Nha trước bạ, gồm:

- Trích lục, trích sao bản đồ điền thổ;
- Bản đồ phân chiết thửa;
- Chứng thư đoan mãi;
- Bản trích lục địa bộ.

2. Giấy của Ty điền địa, Sở địa chánh chứng nhận đất ở do chế độ cũ cấp.

3. Giấy tờ đổi đất thổ cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện (trước đây) nơi có đất xác nhận hoặc đồng ý hoặc phê duyệt hoặc chấp thuận trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.

**Chương III**

**ĐIỀU KIỆN VÀ DIỆN TÍCH TỐI THIỂU CỦA VIỆC  
TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT**

**Điều 10. Nguyên tắc, điều kiện chung về tách thửa đất, hợp thửa đất**

1. Việc tách thửa đất, hợp thửa đất phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện chung theo quy định tại khoản 1 Điều 220 của Luật số 31/2024/QH15, khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

2. Trường hợp người sử dụng đất dành một phần diện tích của thửa đất để làm lối đi thì lối đi phải được kết nối với đường giao thông công cộng hiện có; bảo đảm cấp nước, thoát nước và nhu cầu cần thiết khác một cách hợp lý; lối đi phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu và thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đảm bảo điều kiện thửa đất không có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp quyết định thu hồi đất chỉ ảnh hưởng đến một phần diện tích của thửa đất, phần diện tích còn lại vẫn đủ điều kiện tách thửa, hợp thửa theo Quy định này thì được phép tách thửa, hợp thửa.

**Điều 11. Điều kiện tách thửa đất**

Ngoài các nguyên tắc, điều kiện quy định tại Điều 10 của Quy định này, việc tách thửa đất phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện theo quy định tại Điều 29, khoản 2 Điều 220 của Luật số 31/2024/QH15.

2. Diện tích, kích thước của các thửa đất sau khi tách thửa phải bằng hoặc lớn hơn diện tích, kích thước tối thiểu được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Quy định này. Trừ trường hợp thửa đất được tách có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa thì phải thực hiện đồng thời việc hợp thửa với thửa đất liền kề.

3. Không tách thửa các khu vực hiện đang là đất ở biệt thự, đất ở liên kế thuộc các dự án phát triển nhà ở được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư, để bán, cho thuê, cho thuê mua, các khu tái định cư đã được cấp Giấy chứng nhận từng thửa đất theo quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn.

### **Điều 12. Hợp thửa đất**

Ngoài các nguyên tắc, điều kiện quy định tại Điều 10 của Quy định này còn phải bảo đảm các điều kiện sau đây: Việc hợp thửa đất được thực hiện theo nhu cầu của người sử dụng đất và quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

### **Điều 13. Diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đối với đất nông nghiệp**

1. Đối với đất lâm nghiệp: 3.000 m<sup>2</sup>.

2. Đối với đất nông nghiệp (trừ trường hợp khoản 1, khoản 3 Điều này):

a) Khu vực nông thôn: 1.000 m<sup>2</sup>;

b) Khu vực đô thị: 500 m<sup>2</sup>.

3. Đối với đất nông nghiệp trước đây được cân đối theo Nghị định 64-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ cho hộ gia đình sử dụng đất, nay người sử dụng đất trong hộ gia đình có nhu cầu tách thửa để phân chia diện tích được cân đối theo nhân khẩu để thực hiện quyền sử dụng đất thì diện tích tối thiểu cho phép tách thửa được xác định theo hạn mức giao đất đã cân đối theo nhân khẩu mà không áp dụng theo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 14. Diện tích, kích thước tách thửa đối với đất ở**

1. Các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa phải có diện tích tối thiểu:

a) Khu vực nông thôn: 60 m<sup>2</sup>;

b) Khu vực đô thị: 40 m<sup>2</sup>.

2. Các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa phải đảm bảo kích thước cạnh phía tiếp giáp lối đi bằng hoặc lớn hơn 4,0 mét đối với địa bàn xã; bằng hoặc lớn hơn 3,0 mét đối với địa bàn phường. Nếu thửa đất có nhiều cạnh tiếp giáp với một lối đi thì tổng chiều dài các cạnh đó phải đảm bảo theo Quy định này.

3. Đối với thửa đất có đất ở và đất khác thì các thửa đất được tách có diện tích đất ở phải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### **Điều 15. Diện tích, kích thước tách thửa đối với đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

1. Trường hợp thửa đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư chỉ được phép tách thửa khi dự án đầu tư được chia, tách theo quy hoạch.

2. Trường hợp thửa đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hoặc nhận chuyển quyền sử dụng đất không thuộc khoản 1 Điều này, được quy định như sau:

a) Diện tích, kích thước thửa đất thương mại, dịch vụ sau khi tách thửa phải đảm bảo theo quy định tại Điều 14 của Quy định này;

b) Thửa đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sau khi tách thửa phải có diện tích tối thiểu 500 m<sup>2</sup> và cạnh tiếp giáp với lối đi tối thiểu 6,0 mét.

**Điều 16. Diện tích, kích thước tách thửa khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất**

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất mà thực hiện tách thửa, diện tích tối thiểu của các thửa đất sau khi tách phải bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng.

**Điều 17. Diện tích, kích thước tách thửa đất, hợp thửa đất đối với đất phi nông nghiệp thuộc các dự án phát triển nhà ở; dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở**

1. Việc tách thửa đất phải đảm bảo theo quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn hoặc bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận.

2. Việc hợp thửa phải đảm bảo nguyên tắc và điều kiện quy định tại Điều 10 và Điều 12 của Quy định này; phù hợp quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn, bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận theo quy định.

**Chương IV****VIỆC QUẢN LÝ THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẴM XEN KẸT;  
KHU ĐẤT TÁCH THÀNH DỰ ÁN ĐỘC LẬP****Điều 18. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt**

1. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với phòng, ban và các tổ chức, đơn vị có liên quan:

a) Rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý;

b) Trích lục bản đồ địa chính hoặc đo đạc xác định vị trí, ranh giới, diện tích của từng thửa đất; xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, trật tự xây dựng (nếu có) theo quy định;

c) Đề xuất phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh mục và tổ chức công bố, công khai, lấy ý kiến người sử dụng đất liên kế danh mục tại điểm c khoản 1 Điều này thời hạn 15 (mười lăm) ngày gồm các hình thức sau:

a) Công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và đăng tin, công khai ít nhất hai lần trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk (mỗi lần thông báo công khai cách nhau ít nhất 03 ngày làm việc);

b) Truyền thông trên phương tiện truyền thanh của cấp xã một lần/ngày;

c) Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý. Việc niêm yết công khai và kết thúc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong

đó nêu rõ thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc niêm yết công khai.

Trong thời gian lấy ý kiến, trường hợp người dân có ý kiến, kiến nghị thì nội dung ý kiến, kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản.

Tổng hợp bằng văn bản các nội dung ý kiến, kiến nghị của người dân. Giải quyết kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có).

### 3. Việc giao đất, cho thuê đất

a) Ngay sau khi phê duyệt danh sách các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho người sử dụng đất liền kề có nhu cầu sử dụng đất nộp đơn xin giao đất, cho thuê đất tại Ủy ban nhân dân cấp xã (trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo);

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp đơn xin giao đất, cho thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp xét, tổng hợp để tổ chức rà soát, công bố công khai về việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại địa phương cho người sử dụng đất liền kề có nhu cầu;

c) Cơ quan có chức năng quản lý về đất đai tham mưu trình Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật về đất đai và các pháp luật khác có liên quan.

**Điều 19. Điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ để tách khu đất thành dự án độc lập đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất mà khu vực thực hiện dự án có diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý**

#### 1. Các điều kiện, tiêu chí để tách khu đất thành dự án độc lập

a) Khu đất tách thành dự án độc lập bao gồm một hoặc nhiều thửa liền nhau, mà phần diện tích đất này có vị trí tiếp giáp hoặc xen kẽ với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

b) Đảm bảo điều kiện kết nối hạ tầng giao thông như sau:

Đối với dự án thực hiện trên đất liền thì có ít nhất một mặt tiếp giáp với đường hiện trạng rộng từ 6,0 mét trở lên, các cạnh thửa đất đảm bảo tối thiểu là 20,0 mét.

Đối với dự án thực hiện tại đảo hoặc bán đảo thì phải có ít nhất một mặt tiếp giáp với biển hoặc đầm hoặc vịnh và phải đảm bảo có khu hậu cần trên đất liền để kết nối ra đảo, đất khu hậu cần này do nhà nước quản lý, đủ điều kiện để đấu giá.

#### 2. Quy mô và tỷ lệ diện tích để tách khu đất thành dự án độc lập:

a) Diện tích đất tách thành dự án độc lập phải đạt tỷ lệ từ 15% trở lên so với tổng diện tích đất của dự án và tối thiểu từ 1.500 m<sup>2</sup>;

b) Đối với diện tích đất không đáp ứng tỷ lệ 15% trở lên so với tổng diện tích đất của dự án, nhưng quy mô từ 5 ha trở lên và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện để tách thành dự án độc lập thì tách thành dự án độc lập để đấu giá, đấu thầu theo quy định.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 20. Quy định chuyển tiếp**

1. Các trường hợp người sử dụng đất đã nộp hồ sơ hợp lệ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất thì được thực hiện theo các Quyết định: Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các trường hợp tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk cũ; Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024, Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024, Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các trường hợp tại địa bàn tỉnh Phú Yên cũ. Đối với hồ sơ tách thửa, hợp thửa nếu áp dụng theo Quy định này mà thuận lợi hơn cho người sử dụng đất và được người sử dụng đất đồng ý thì thực hiện theo Quy định này.

2. Các trường hợp người sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không được xác định lại theo Quy định này.

3. Trường hợp phân chia quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 thì thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án.

4. Đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự án không đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ tách thành dự án độc lập trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 thì tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án;

b) Trường hợp dự án đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ tách thành dự án độc lập trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 thì thực hiện việc rà soát, xác định điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ tách thành dự án độc lập theo Quy định này.

5. Đối với dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở, pháp luật về đấu thầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, đã hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định của pháp luật, nhưng chưa giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư, chủ đầu tư thì không rà soát tách khu đất thành dự án độc lập để thực hiện đấu giá theo Quy định này.

6. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và đã thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng có phần diện tích khu đất đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô,

tỷ lệ để tách thành dự án độc lập theo Quy định này thì chủ đầu tư được hoàn trả tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi tổ chức xong đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định đối với phần diện tích tách thành dự án độc lập.

7. Đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đã xác định diện tích tách thành dự án độc lập để đấu giá trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện mà không thực hiện rà soát theo Quy định này.

8. Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

## **Điều 21. Trách nhiệm thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này; trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện thì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

b) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ tách thửa, hợp thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều 13 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn hoặc thiết kế đô thị riêng được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

c) Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai khi thi hành công vụ liên quan đến các nội dung quy định tại Quy định này.

2. Sở Xây dựng cung cấp kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ, tài liệu liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực liên quan đến địa giới hành chính từ hai xã trở lên trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng làm cơ quan tổ chức lập quy hoạch, để quản lý việc tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định của pháp luật.

### **3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát đối với các dự án đã được chấp thuận đầu tư nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất mà khu đất tách thành dự án độc lập (nếu có) theo Quy định này;

b) Chủ trì, tổng hợp ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương và các cơ quan đơn vị liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan khi tham mưu thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh mà có trường hợp đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ để tách thành dự án độc lập và phối hợp cơ quan tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với phần diện tích sau khi tách thành dự án độc lập theo Quy định này.

### **4. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý đất đai theo quy định;

b) Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý đất đai

khi thi hành công vụ liên quan đến các nội dung quy định tại Quy định này. Định kỳ báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để xem xét, chỉ đạo;

c) Cung cấp kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ, tài liệu liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý để quản lý việc tách thửa đất, hợp thửa đất theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định.

## **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 38/2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 400/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan thuế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Ký hiệu các hệ số trong Quyết định này được hiểu như sau:

a) Ktt: hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường theo khoản 3 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

b) Kqh: hệ số điều chỉnh theo quy hoạch theo khoản 4 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;

c) Kyah: hệ số điều chỉnh theo yếu tố ảnh hưởng theo khoản 5 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;

d) K: hệ số điều chỉnh giá đất, được xác định theo công thức:  $K = Ktt \times Kqh \times Kyah$ .

2. Bảng giá đất: Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (nếu có).

**Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất (K) đối với các loại đất quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

1. Hệ số K để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư là  $K = 1$  (một), trừ các trường hợp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục I.

2. Hệ số K để làm căn cứ tính các khoản tiền, thuế, lệ phí, xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 là  $K = 1$  (một), trừ các trường hợp xác định giá khởi điểm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục II.

3. Hệ số K để làm căn cứ tính các khoản tiền theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai số 31/2024/QH15:

a) Hệ số K áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này (trừ các trường hợp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này) được xác định như sau: Hệ số Ktt = 1 (một); Hệ số Kyah = 1 (một); Hệ số Kqh xác định theo hệ số sử dụng đất trong quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp vị trí đất chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt thì Kqh = 1 (một). Cụ thể:

Hệ số sử dụng đất	K <sub>qh</sub>
Chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc hệ số sử dụng đất $\leq 2,0$	K <sub>qh</sub> = 1 (một)
Hệ số sử dụng đất > 2,0 đến 3,5	K <sub>qh</sub> = 1,05 (một phẩy không năm)
Hệ số sử dụng đất > 3,5	K <sub>qh</sub> = 1,1 (một phẩy một)

b) Các trường hợp quy định tại Phụ lục II, hệ số K là giá trị thể hiện tại Phụ lục II.

### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các trường hợp đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thuộc trường hợp áp dụng giá đất cụ thể theo quy định Luật Đất đai số 31/2024/QH15 mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện xác định giá đất, nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà các cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về giá đất cụ thể thì tiếp tục áp dụng xác định giá đất theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, phục vụ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thì tiếp tục sử dụng kết quả đã phê duyệt để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Đối với trường hợp đang thực hiện xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, phục vụ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định lựa chọn một trong hai phương án sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tiếp tục xác định, phê duyệt giá đất cụ thể trước ngày 01/7/2026 theo quy định và thực hiện theo giá đất cụ thể đã phê duyệt;

b) Áp dụng giá đất tại Bảng giá đất đã ban hành và hệ số điều chỉnh ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng hệ số K; trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất tỉnh thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hệ số K tại Quyết định này (nếu cần thiết) theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm:

a) Công bố công khai thông tin quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cung cấp thông tin hệ số sử dụng đất trong các quy hoạch chi tiết được phê duyệt cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu; cập nhật kịp thời khi có quy hoạch mới hoặc điều chỉnh.

b) Trong quá trình triển khai áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định này mà chưa phù hợp với tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

c) Tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến người dân, tổ chức trên địa bàn ngay khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

**PHỤ LỤC I**  
**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ÁP DỤNG KHI TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG**  
**KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT VÀ TÍNH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI NƠI TÁI ĐỊNH CƯ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh)*

STT	Địa điểm/ Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT</b>				
<b>A1</b>	<b>PHƯỜNG TUY HÒA</b>				
<b>1</b>	<b>Đường bao quanh Nhà tưởng niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ</b>				
-	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
+	Đường Tân Đà	1,41			
<b>2</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc bệnh viện Quốc Tế, Phường 9, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã 5 Mậu Thân)	2,25	2,25	2,20	2,60
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>3</b>	<b>Dự án: Khu tái định cư Khu phố Phú Ân, phường Tuy Hòa thuộc dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc-Nam qua địa bàn các xã, phường: Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên, Đông Hòa, Hòa Xuân (địa bàn phường Tuy Hòa)</b>				
-	Đất ở				
+	Quốc lộ 25 (Quốc lộ 1 - Đường cao tốc Bắc Nam)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>4</b>	<b>Khu dân cư phía Nam đường Quy hoạch số 8, thành phố Tuy Hòa (từ đường Lê Thành Phương đến đường Quy hoạch số 1)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Hàm Nghi			1,84	1,84

-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>5</b>	<b>Xây dựng đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ nhà số 03-68 đường Lý Thường Kiệt), thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Lý Thường Kiệt (Lê Duẩn-Giáp đoạn đã đầu tư hạ tầng)	2,00	2,38	2,68	2,68
+	Đường Huyền Trân Công chúa	2,00	2,00	2,68	3,16
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>6</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lò vôi, phường 1, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đại lộ Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn Bắc cầu Sông Đà Rằng đến Trần Hưng Đạo)	1,50	1,50	1,85	2,00
+	Đường Trần Quang Khải (Nguyễn Tất Thành - Giáp xã Hòa An cũ)	1,15		1,35	
-	Đất thương mại, dịch vụ				
+	Đại lộ Đường Nguyễn Tất Thành (Đoạn Bắc cầu Sông Đà Rằng đến Trần Hưng Đạo)	1,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>7</b>	<b>Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (Giai đoạn 1)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã năm Mậu Thân)	2,25	2,25	2,17	2,58
+	Đường Ngô Văn Sở	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Hoàng Văn Thụ (Hùng Vương-Ngô Văn Sở)	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Trần Phú (Độc lập – Lê Thành Phương)	1,30	1,30	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>8</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam khu dân cư đường Mai Xuân Thưởng, Phường 5, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Huệ (Trường Chinh – Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>9</b>	<b>Đầu tư khu dân cư Rạch Bầu Hạ (Đoạn: Từ đường quy hoạch đến đường Nguyễn Huệ), phường 5, thành phố Tuy Hòa</b>				

-	Đất ở				
+	Đường Lê Lợi (Hùng Vương – Duy Tân)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>10</b>	<b>Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Thọ) giai đoạn 1 và tuyến đường Hoàng Văn Thụ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi nối dài đến đường N3 phía Tây khu dân cư Bắc Trần Phú), TP Tuy Hòa</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>11</b>	<b>Khép kín khu dân cư phía Đông đường Trần Suyên, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phan Đăng Lưu				1,35
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>12</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông công viên Hồ Sơn, phường 9, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã 5 Mậu Thân)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>13</b>	<b>Đầu tư đường Yersin (đoạn từ Nguyễn Huệ - đường số 8)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Huệ (Trường Chinh – Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đường Hàm Nghi (Đường nội bộ phía Đông công viên Nguyễn Huệ - Lê Trung Kiên)	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>14</b>	<b>Khép kín khu dân cư phía Tây đường Trần Suyên, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Điện Biên Phủ - Ngã năm Mậu Thân)	2,25	2,25	2,17	2,58
+	Đường Ngô Văn Sở	1,70	1,70	1,70	1,70
+	Đường Hoàng Văn Thụ (Hùng Vương-Ngô Văn Sở)	1,70	1,70	1,70	1,70

+	Đường Trần Phú (Độc lập – Lê Thành Phương)	1,30	1,30	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>15</b>	<b>Xây dựng đường Trần Quốc Toản (đường Quy hoạch 6m - đường Lê Lợi), Phường 5, thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Lê Lợi (Hùng Vương – Duy Tân)	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>16</b>	<b>Di dời đoạn tuyến đường dây 110kV Tuy Hòa – Tuy An đi qua cụm đài tưởng niệm Mậu Thân tỉnh Phú Yên</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>17</b>	<b>Đường Bạch Đằng giai đoạn 2</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Bạch Đằng (Phan Đình Phùng – Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	1,40	1,35	1,35	1,50
+	Đường Bạch Đằng (Lê Duẩn - Phan Đình Phùng)	1,35	1,25	1,10	1,55
+	Đường Bạch Đằng (cảng cá phường 4 cũ - Lê Duẩn)	1,40		1,35	1,50
+	Đường Phan Đình Phùng (Bạch Đằng – Tân Đà)	1,00	1,00	1,00	1,35
+	Đường Chu Mạnh Trinh			1,45	2,30
+	Đường Trần Quý Cáp (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,60			2,45
+	Đường Nguyễn Công Trứ (Nguyễn Trãi – Trần Hưng Đạo)	1,40		1,45	1,60
+	Đường Nguyễn Công Trứ (Đại lộ Hùng Vương - Nguyễn Trãi)	1,40		1,40	1,55
+	Đường Nguyễn Trãi (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,00		1,00	
+	Đường Duy Tân (Bạch Đằng – Trần Hưng Đạo)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đại lộ Hùng Vương (Bạch Đằng – Nguyễn Công Trứ)	1,00		1,00	1,15
+	Đường Lê Duẩn (Bạch Đằng – Trần Phú)	1,00	1,00	1,00	1,00
+	Đường Trần Hưng Đạo (Độc Lập – Lê Duẩn)			1,00	1,25
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

<b>18</b>	<b>Khu dân cư đường Mạc Thị Bưởi, thành phố Tuy Hòa (khu phía Nam đường Trần Quang Khải và phía Tây đường Côn Sơn)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Trần Quang Khải (Nguyễn Tất Thành - Giáp xã Hòa An cũ)	1,15		1,35	
+	Đường Côn Sơn (Trần Quang Khải - Ranh giới xã Hòa An cũ)	1,30			
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>19</b>	<b>Dự án: Khép kín khu dân cư phía nam ThaCo Trường Hải thuộc khu đất 027 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>20</b>	<b>Dự án: Khép kín khu dân cư phía nam ThaCo Trường Hải thuộc khu đất O28 (đồ án quy hoạch Bắc Sông Ba)</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>21</b>	<b>Dự án: Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường số 14) giai đoạn 2</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn Trần Suyễn phía Tây bệnh viện tỉnh đến đại lộ Nguyễn Tất Thành)	2,70		1,60	
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>22</b>	<b>Dự án Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn phía Tây bệnh viện Đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)</b>				
-	Đất ở				
+	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Gara ô tô Sun Taxi Phú Yên đến ranh giới phường Tuy Hòa và phường Bình Kiến)	1,30			
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn phía Tây bệnh viện Đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân (đoạn từ trường tiểu học Bùi Thị Xuân đến Nguyễn Hữu Thọ)	2,50	2,50	2,00	2,00
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12

<b>23</b>	<b>Dự án Đường Trần Phú nối dài và hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 1)</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>24</b>	<b>Công viên ven biển TPTH (đoạn từ Cảng cá Phường 6 đến đường Nguyễn Huệ và đoạn từ Khu Resort Thuận Thảo đến Nhà nghỉ Hội Nông dân Tỉnh)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Độc Lập đến đường Lê Duẩn)	1,24	1,00	1,00	1,20
+	Đường Độc Lập (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Hữu Thọ)	1,20	1,00	1,00	1,00
+	Đường đi cảng cá	2,16	1,48	1,43	1,92
<b>25</b>	<b>Dự án Hạ tầng khung khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ</b>				
-	Đất ở tại đô thị				
+	Đường Lê Thành Phương (đoạn Trần Phú đến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	1,00	1,00	1,00	1,00
-	Đất chuyên trồng lúa	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,00	1,11	1,12	1,12
<b>A2</b>	<b>PHƯỜNG BÌNH KIẾN</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án: HTKT Khu dân cư phía Nam khu du lịch sinh thái Sao Việt và Khu dân cư phía Tây Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm (40ha)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường liên khu phố Xuân Dục – Chính nghĩa	1,24	1,24	1,45	1,45
+	Đường liên phường (thuộc địa bàn xã An Phú cũ) (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng)	1,21	1,21	1,50	1,50
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>2</b>	<b>Dự án: Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa</b>				
-	Đất ở				

+	Đường liên khu phố Xuân Dục – Chính nghĩa	1,24	1,24	1,45	1,45
+	Đường liên phường (thuộc địa bàn xã An Phú cũ) (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng)	1,21	1,21	1,50	1,50
+	Đường cơ động ven biển	1,21	1,21	1,50	1,50
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa), đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>3</b>	<b>Dự án: Mở rộng tuyến đường dọc Kênh N1 (đoạn từ Xã lộ 20 đến đường vào Nghĩa trang Thọ Vực)</b>				
-	Đất ở				
+	Các tuyến đường liên khu phố tiếp giáp đường Đá Bàn (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Chợ Xuân Hòa)			1,97	
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>4</b>	<b>Dự án: Đầu tư tuyến đường Nguyễn Trãi nối dài (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường số 14) giai đoạn 2</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Mậu Thân (Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ)	1,97	1,97	1,50	1,75
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>5</b>	<b>Dự án: Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ phía Tây Bệnh viện đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Đoạn từ đường Trần Suyền phía Tây Bệnh viện tỉnh đến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân: Đoạn đường Nguyễn Hữu Thọ đến giáp ranh xã Bình Kiến cũ.	2,70	2,70	2,20	2,20
	Đại lộ Nguyễn Tất Thành (Đoạn từ ranh giới phường 2 và phường 9 đến ranh giới phường 9 và xã Bình Kiến)	1,50			
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12

-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>6</b>	<b>Dự án: HTKT khu đô thị phía Bắc đường Nguyễn Hữu Thọ (thuộc quy hoạch phía Bắc đường Nguyễn Hữu Thọ và điều chỉnh một phần khu dân dụng Phước Hậu – Liên Tri) (Giai đoạn 1 – 37ha)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Đoạn từ đường Trần Suyền phía Tây Bệnh viện tỉnh đến Đại lộ Nguyễn Tất Thành)	2,70	2,70	1,60	1,60
+	Đường Mậu Thân: Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến cũ	1,97	1,97	1,50	1,75
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>7</b>	<b>Dự án: Tiểu thành phần đoạn Chí Thạnh-Vân Phong thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố Tuy Hòa) (Hạng mục: Di dời hệ thống điện 220kV, 110kV, 22kV, 0,4kV và di dời hệ thống thông tin và đường gom dân sinh)</b>				
-	Đất ở				
+	Các tuyến đường liên khu phố tiếp giáp đường Đá Bàn (đoạn Trường Trung học cũ đến cuối khu phố Trường Quang)			1,97	
-	Đất chuyên trồng lúa; đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
-	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07
-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>8</b>	<b>Các Dự án: Xây dựng khu xử lý chất thải vệ sinh của thành phố Tuy Hòa; Dự án: Hệ thống xử lý nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn thành phố Tuy Hòa; Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc khu Trung tâm An điều dưỡng tàu ngầm; Dự án: Mở rộng đường đảm bảo cho các lực lượng cơ động ven biển thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (đường Lê Duẩn nối dài giai đoạn 2) (đoạn từ KM4+205,28 - KM7+668,64); Dự án: Đầu tư xây dựng đường quy hoạch N19 thuộc đồ án quy hoạch Độc Lập-Lê Duẩn, xã An Phú; Dự án: Công viên Nghĩa trang An Phước Viên; Dự án: Xây dựng tường rào khu đất cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát cơ động và khu đất cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC&amp;CNCH thuộc Công an tỉnh; Dự án: Kho dự trữ Phú Yên</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa, đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa), đất rừng sản xuất	1,00	1,11	1,12	1,12
	Đất trồng cây lâu năm	1,00	1,07	1,07	1,07

-	Các loại đất còn lại	1,00	1,00	1,00	1,00
<b>A3</b>	<b>PHƯỜNG SÔNG CẦU</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án: đường nội thị Phạm Văn Đồng</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng, đoạn từ Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ	2,50			
+	Đường Phạm Văn Đồng (đoạn từ Nam cầu Tam Giang cũ đến Bắc cầu vượt)	2,83			
<b>2</b>	<b>HTKT chợ trung tâm đô thị Sông Cầu; HTKT khu phố chợ phường Xuân Phú; HTKT KDC phường Xuân Phú</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50	1,98	1,76	1,60
<b>3</b>	<b>Dự án Đường Trung Trinh – Vũng La (đoạn đá Tượng – nhà ông Võ Văn Đứng)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường GTNT Trung Trinh – Vũng La	2,60	2,90	2,90	2,90
<b>4</b>	<b>Dự án Đường Trung Trinh – Vũng La (giai đoạn 1)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường GTNT Trung Trinh – Vũng La	2,60	2,90	2,90	2,90
<b>5</b>	<b>Dự án Đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)			1,76	1,60
<b>6</b>	<b>Dự án: Kè Bờ Nam Sông Thị Thạc, thị xã Sông Cầu (thực hiện thi hành án ông Lê Trường Sinh)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50			
<b>7</b>	<b>Dự án: Đường Hoàng Hoa Thám nối dài (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Đoàn Thị Điểm)</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Phạm Văn Đồng (Giáp tuyến tránh Quốc lộ 1 (phía Bắc) đến phía Bắc cầu Tam Giang cũ)	2,50	1,98		
<b>8</b>	<b>Đất nông nghiệp trong khu vực thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa; Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	1,25	1,09	1,00	1,00

-	Đất trồng cây lâu năm	1,20	1,00	1,00	1,00
-	Đất rừng sản xuất	1,20	1,23	1,00	1,00
<b>A4</b>	<b>XÃ HÒA XUÂN</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hòa Tâm - Giai đoạn 1.</b>				
-	<b>Đất ở</b>				
+	Đoạn đường từ Cầu Đà Nông đến Giáp ranh Cảng Bãi Góc (Từ cầu Đà Nông đến cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân- Bãi Ngà)	1,25	1,25	1,25	1,25
+	Đoạn từ cầu vượt dự án Tuyến đường Phước Tân – Bãi Ngà đến Ranh giới xã Hòa Xuân Nam cũ	1,35	1,35	1,35	1,35
+	- Đường Phú Khê – Phước Tân (từ ranh giới xã Hòa Xuân Đông cũ đến giáp Quốc lộ 29, thôn Phước Tân	1,10	1,10	1,10	1,10
<b>A5</b>	<b>XÃ EA WER</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án: Sắp xếp bố trí ổn định tái định cư Buôn Ndréch, xã Ea Huar (cũ) nay là xã Ea Wer (giai đoạn 1)</b>				
-	Đất ở				
+	Tỉnh lộ 1: Cầu 35 đến sát ranh giới xã Buôn Đôn	3,00	3,00	3,00	
-	Đất chuyên trồng lúa			4,00	
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)				3,00
-	Đất trồng cây lâu năm				3,00
<b>2</b>	<b>Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi KN SrêPôk 3</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
<b>3</b>	<b>Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện SrêPôk 3</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
<b>4</b>	<b>Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi SrêPôk 3 Đăk Lăk</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
<b>5</b>	<b>Dự án: Đường dây 500kV đấu nối nhà máy điện mặt trời nổi SrêPôk 3 Lâm Đồng</b>				

-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
<b>6</b>	<b>Dự án: Đường giao thông trục số 07 và trục số 39 trung tâm xã Ea Wer</b>				
-	Đất ở				
+	Đường số 6: Hết trường THPT Buôn Đôn - giáp vành đai phía đông (VT2, VT3)		3,00	3,00	
-	Đất chuyên trồng lúa		3,00		
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)			3,00	
-	Đất trồng cây lâu năm		2,00		
<b>7</b>	<b>Dự án: Trạm biến áp 110 kv Buôn Đôn và đấu nối, hạng mục: Hướng tuyến đường dây 35 kv và 22 kv đấu nối sau Trạm biến áp 110 kv Buôn Đôn</b>				
-	Đất chuyên trồng lúa	3,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,50			
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
<b>A6</b>	<b>XÃ EA WY</b>				
1	Dự án thu hồi đất Đập Sinh Mây xã Ea Wy				
-	Đất trồng lúa	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	2,00			
-	Đất trồng cây lâu năm	1,50			
<b>A7</b>	<b>XÃ BUÔN ĐÔN</b>				
<b>1</b>	<b>Đường cơ động từ Tiểu đoàn D19 đi đồn Biên phòng Yok Đôn</b>				
-	<b>Đất ở</b>				
+	Đường ngang: Đoạn từ Ngã ba tư Khăm Thung đến cầu Buôn Trí	2,50	2,50	2,50	2,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	3,00			
<b>2</b>	<b>Xây dựng trụ sở cơ quan quân sự xã</b>				
-	<b>Đất ở</b>				

+	Đường Tỉnh lộ 17 (cũ), đoạn Ngã ba đường vào Buôn Trí đến hồ Ea Rông			2,00	
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa)	3,00			
<b>A8</b>	<b>XÃ LIÊN SƠN LẮK</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án: Nâng cấp, mở rộng Hoa viên tượng đài chiến thắng huyện Lắk tại thôn Hợp Thành</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến hết đường đôi	2,10			
+	Đường Lê Lai đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Lý Thường Kiệt	2,10			
-	Đất trồng cây hằng năm (trừ đất chuyên trồng lúa); Đất trồng cây lâu năm			3,00	
<b>A9</b>	<b>XÃ PHÚ XUÂN</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án khu công nghiệp cụm Krông Năng</b>				
-	Đất ở				
+	Đường tỉnh lộ 3, đoạn từ Đền ngã ba giáp đất ông Trần Văn Huy (thửa đất số 8, TBD số 90) đến Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 10, TBD 104)		1,50	1,50	1,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00	2,00	2,00	
<b>2</b>	<b>Khu dân cư nông thôn mới</b>				
-	Đất ở				
+	Đường tỉnh lộ 3, đoạn từ Đền ngã ba giáp đất ông Trần Văn Huy (thửa đất số 8, TBD số 90) đến Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 10, TBD 104)		1,50	1,50	1,50
-	Đất trồng cây lâu năm	2,00	2,00	2,00	
<b>A10</b>	<b>XÃ PONG DRANG</b>				
<b>1</b>	<b>Công trình: Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1 đi qua địa bàn xã Pong Drang, tỉnh Đắk Lắk</b>				
-	Đất trồng cây lâu năm		1,50		
<b>II</b>	<b>TÍNH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI NƠI TÁI ĐỊNH CƯ</b>				
<b>A1</b>	<b>XÃ EA KNUẾC</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án Khu dân cư trung tâm xã Ea Knuéc</b>				
-	Đất ở				

---

---

+	Các thửa đất thuộc Khu A1	5,98			
+	Thửa đất thuộc Khu A7	5,98			
+	Các thửa đất thuộc Khu A3	2,02			

**PHỤ LỤC II**  
**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ÁP DỤNG CHO CÁC TRƯỜNG HỢP CÒN LẠI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh)*

STT	Địa điểm/ Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
<b>I</b>	<b>XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>				
<b>A1</b>	<b>PHƯỜNG TÂN AN</b>				
<b>1</b>	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 60, đường Đoàn Khuê, phường Tân An (UBND phường Tân An đang trình phương án đấu giá sử dụng vào mục đích đất Thương mại – Dịch vụ tại Sở Tài nguyên và Môi trường); đất thương mại dịch vụ	1,80			
<b>A2</b>	<b>XÃ EA WER</b>				
<b>1</b>	Dự án đấu giá QSD đất lô B1, trung Tâm xã Ea Wer				
-	Đất ở				
+	Đường số 35: hết thửa đất giao nhau với đường số 30-Hết thửa đất giao nhau với đường số 31 (VT1)	3,00			
<b>2</b>	<b>Dự án đấu giá QSD đất lô A5, trung tâm xã Ea Wer</b>				
-	Đất ở				
+	Tỉnh lộ 1: Ngã tư viện kiểm sát- Ngã tư đài truyền thanh	1,30			
+	Đường số 14 (mặt sau lô A5, A6): Hết thửa đất giao nhau với đường số 2-Hết thửa đất giao nhau với đường số 3 (VT1)	2,20			
<b>3</b>	<b>Dự án đấu giá QSD đất lô A6, trung tâm xã Ea Wer</b>				
-	Đất ở				
+	Đường số 3: Ngã tư bưu điện đến hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	3,00			
<b>A3</b>	<b>XÃ LIÊN SƠN LẮK</b>				

<b>1</b>	<b>Khu đấu giá đất Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Đình Chiểu</b>				
-	Đất ở				
+	Đường N1: Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường.	2,00			
+	Đường số 7 đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường.	2,00			
<b>2</b>	<b>Khu đấu giá thuộc thôn 1, xã Liên Sơn Lắc</b>				
-	Đất ở				
+	Đường Trần Phú: Đoạn từ đường Tôn Thất Tùng đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	2,00			
+	Đường Y Ngông: Đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Y Jút	2,00			
<b>II</b>	<b>TÍNH TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN CHO CẢ THỜI GIAN THUÊ</b>				
<b>A1</b>	<b>XÃ DRAY BẰNG</b>				
<b>1</b>	<b>Cụm Công nghiệp Cư Kuin</b>	2,70			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

#### **Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định 336/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 296/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 72/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm*

*dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lượt chở hành khách và xe ô tô;*

*Căn cứ Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định về quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn và kết nối giao thông đường địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Theo đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng Đắk Lắk tại Tờ trình số 151/TTr-SXD ngày 09/4/2026 và Báo cáo số 179/BC-SXD ngày 29/4/2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026, bãi bỏ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Công Thái**

**QUY CHẾ****Phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ  
kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND)**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), lực lượng Công an nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị: Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp xã; lực lượng Công an nhân dân; các Sở, ngành chức năng có liên quan; nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; nhà đầu tư BOT đường bộ đang khai thác và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Công tác phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo sự thống nhất, tránh chồng chéo và giảm thủ tục hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh; các cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia, phối hợp với cơ quan chủ trì theo chức năng nhiệm vụ được giao. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phối hợp.

3. Tổ chức hoạt động phối hợp phải thống nhất theo kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong công tác phối hợp, xử lý vụ việc thực hiện theo nguyên tắc: Tuân thủ pháp luật; vụ việc thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị nào thì đơn vị đó chủ trì xử lý, đơn vị còn lại hỗ trợ theo yêu cầu của đơn vị chủ trì. Những vướng mắc phát sinh phải được bàn bạc, giải quyết trên cơ sở tôn trọng pháp luật, chức năng, quyền hạn và yêu cầu nghiệp vụ của các đơn vị. Trong trường hợp không thống nhất phương hướng giải quyết thì báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Công tác phối hợp phải đảm bảo tính hiệu quả, kịp thời, đúng mục đích, đảm bảo yêu cầu nghiệp vụ, chuyên môn giữa các đơn vị, quy định bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định về công tác bảo mật của các đơn vị phối hợp.

5. Các vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp (nếu có) sẽ được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định. Đối với những vấn đề chưa thống nhất hoặc vượt quá thẩm quyền thì Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Thực hiện trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Công tác xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; các hành vi lấn chiếm phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được bồi thường, thu hồi trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ.

5. Các nội dung phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Hình thức phối hợp**

1. Phối hợp thực hiện thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin, ý kiến bằng văn bản hoặc điện thoại và các hình thức khác phục vụ việc xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác, thi công công trình trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Thống kê, báo cáo kết quả, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác xử lý vi phạm về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 6. Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng, lực lượng Công an, lực lượng tuần đường, tuần kiểm và các đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể tổ chức, cá nhân các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và tập trung một số nội dung chính sau:

1. Các hành vi không được thực hiện được quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

2. Phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Luật số 35/2024/QH15 và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết, một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

3. Các hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng quy định tại Điều 3 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP;

4. Các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

### **Điều 7. Phối hợp thực hiện trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Nghị định số 296/2025/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện cưỡng chế, giải tỏa các công trình đã được bồi thường, công trình tái lấn chiếm mà không tự tháo dỡ và các công trình xây dựng trái phép trong phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

### **Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; các hành vi lấn chiếm phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được bồi thường, thu hồi trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ**

1. Trách nhiệm phát hiện

a) Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ thường xuyên thực hiện công tác tuần đường, tuần kiểm để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về kết

cấu hạ tầng đường bộ, vi phạm đất hành lang an toàn đường bộ, lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được Nhà nước bồi thường, thu hồi đất (đối với các tuyến đường được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các phòng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về kết cấu hạ tầng đường bộ, vi phạm đất hành lang an toàn đường bộ, lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được Nhà nước bồi thường, thu hồi đất (đối với các tuyến đường trong phạm vi địa giới hành chính do địa phương quản lý và các tuyến đường tỉnh, quốc lộ đi qua địa bàn).

## 2. Trách nhiệm thông báo

a) Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện thường xuyên công tác tuần đường, tuần kiểm phát hiện và lập biên bản xác nhận các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sau đó thông báo đến các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi vi phạm, để kịp thời phối hợp xử lý nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm tiếp diễn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các phòng chuyên môn thường xuyên kiểm tra các tuyến đường trên địa bàn quản lý và các tuyến quốc lộ, đường tỉnh do Sở Xây dựng quản lý; tiến hành áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền; đồng thời, đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh thông báo Sở Xây dựng để chỉ đạo các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ để phối hợp quản lý, ngăn chặn hành vi vi phạm tiếp diễn.

## 3. Thẩm quyền và thủ tục xử phạt hành chính vi phạm về kết cấu hạ tầng đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

## Chương III

### TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 9. Trách nhiệm phối hợp quản lý phạm vi phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được bồi thường, giải tỏa và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ; cấm và quản lý mốc lộ giới**

1. Trách nhiệm quản lý phạm vi phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đã được bồi thường, giải tỏa và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý phần diện tích đất đã được bồi thường giải tỏa và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ, không để phát sinh các trường hợp lấn chiếm, tái lấn chiếm, sử dụng trái phép trong phạm vi phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

## 2. Trách nhiệm cấm mốc lộ giới

Đối với các dự án xây dựng mới: Chủ đầu tư phối hợp, chỉ đạo đơn vị thi công cắm đầy đủ mốc lộ giới và lập thành hồ sơ, sau khi hoàn thành công trình phải bàn giao hồ sơ hoàn công, trong đó có hồ sơ mốc lộ giới cho cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý.

Trường hợp đối với các tuyến đường đang khai thác: Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã khôi phục, bổ sung, cắm mới hệ thống cọc mốc lộ giới để xác định phạm vi phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Xây dựng quản lý.

Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thường xuyên kiểm tra cọc mốc giải phóng mặt bằng các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Xây dựng quản lý.

### 3. Trách nhiệm quản lý mốc lộ giới

a) Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện công tác quản lý đất hành lang an toàn đường bộ (mốc lộ giới) ở đầu tuyến, cuối tuyến và khu vực dân cư mỗi tuyến đường được giao quản lý cho người dân nắm được thông tin thực hiện.

b) Các đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo quản hệ thống mốc lộ giới sau khi lắp đặt; có trách nhiệm bổ sung thay thế các cọc mốc bị hư hỏng, mất và công bố công khai phạm vi mốc lộ giới cho các tổ chức, cá nhân được biết thực hiện.

## **Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ**

### 1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chỉ đạo nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, Ban Quản lý bảo trì đường bộ thuộc Sở thực hiện các nội dung sau:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tự giác chấm dứt hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả vi phạm về sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ và khôi phục lại hiện trạng công trình ban đầu.

Thường xuyên thực hiện tuần đường, tuần kiểm để kịp thời phát hiện, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, có biện pháp ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về kết cấu hạ tầng đường bộ, đồng thời chuyển hồ sơ vi phạm đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc để xử lý theo quy định.

b) Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với các đường giao thông trên địa bàn theo phân cấp quản lý; tổng hợp việc sử dụng đất dành cho đường bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng theo quy định.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lập và thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.

d) Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh về nội dung kết nối giao thông và đầu nối đường bộ, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh thực hiện các trình tự, thủ tục kết nối giao thông và đầu nối đường bộ đảm bảo theo quy định.

## 2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 336/2025/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ; thực hiện các nội dung tại Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP

b) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng chiến sĩ công an thực hiện kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP; Thông tư số 39/2011/TT-BCA quy định lực lượng Công an nhân dân kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

c) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ có liên quan, Công an cấp xã tham gia phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, giải tỏa; xử lý nghiêm các đối tượng gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ trong việc tổ chức thực hiện quyết định, kế hoạch cưỡng chế, giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền.

d) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông: Trong quá trình điều tra giải quyết các vụ tai nạn giao thông nếu có hư hỏng kết cấu hạ tầng đường bộ thì chỉ đạo đơn vị thụ lý, điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông kịp thời báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về tình trạng hư hỏng của kết cấu hạ tầng đường bộ do tai nạn giao thông gây ra, để có biện pháp yêu cầu tổ chức, cá nhân có lỗi phải khắc phục, bồi thường thiệt hại công trình đường bộ; đồng thời trong quá trình tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ nếu phát hiện các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đến kết cấu hạ tầng đường bộ thì tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo Điều 18 của Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

đ) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến lĩnh vực đường bộ nếu phát hiện các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đến kết cấu hạ tầng đường bộ thì tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo Điều 18 của Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

e) Chỉ đạo Trưởng Công an cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến lĩnh vực đường bộ nếu phát hiện các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm đến kết cấu hạ tầng đường bộ thì tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo khoản 4 Điều 18 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

### 3. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan

#### a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện quản lý, sử dụng đất có liên quan đến công trình giao thông theo đúng quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ nhằm bảo đảm an toàn công trình đường bộ và công trình thủy lợi có liên quan; hướng dẫn việc canh tác nông nghiệp đảm bảo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

b) Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Xây dựng việc xác định điểm kết nối giao thông và đầu nối đường bộ từ hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu và các công trình khác thuộc thẩm quyền quản lý dọc theo đường bộ phù hợp với quy hoạch, tuân thủ các quy định về kết nối giao thông và đầu nối đường bộ theo quy định.

#### c) Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

#### d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, xây dựng công trình, lắp đặt biển quảng cáo thuộc Sở quản lý đúng theo quy định Nghị định số 165/2024/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

#### đ) Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tuyên truyền, phổ biến, vận động các tổ chức, cá nhân theo nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật.

### 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ trên tất cả các đường giao thông thuộc địa bàn quản lý theo quy định sau đây:

Khi lập thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy phép xây dựng trong phạm vi đất có liên quan đến công trình đường bộ, phải thực hiện nghiêm các nội dung sau:

Đối với phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 Luật Đường bộ năm 2024 và Điều 10, Điều 11 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

Đối với phạm vi đất dọc theo dòng chảy phía hạ lưu công trình thoát nước của đường bộ (cầu, cống, rãnh, kênh, mương) từ phần tiếp giáp với hạ lưu công trình đến nơi nước thoát đi (sông, ngòi, kênh, mương, rạch, suối): Phạm vi này là đất xây dựng hệ thống thoát nước, quản lý và sử dụng theo quy định tại Luật Đất

đai số 31/2024/QH15; không được xây dựng công trình hoặc vật kiến trúc làm cản trở dòng chảy từ công trình thoát nước của đường bộ đến vị trí cuối cùng nước thoát đi.

Thực hiện các nội dung theo quy định tại các nghị định: Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, Ban Quản lý bảo trì đường bộ thuộc Sở Xây dựng tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ. Trường hợp đối tượng cố tình vi phạm, không tự giác tháo dỡ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính; ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 336/2025/NĐ-CP; thực hiện các nội dung tại Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP: Lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định đối với các trường hợp vượt quá thẩm quyền; xử lý những cán bộ, công chức được phân công nhiệm vụ quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ để xảy ra vi phạm mà không xử lý kịp thời hoặc dung túng, bao che cho hành vi vi phạm.

c) Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ tại địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

d) Đối với quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ đối với đường quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa bàn quản lý ngoài việc thực hiện các quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thực hiện các nội dung sau đây:

Tổng hợp đất đai đã cấp qua các thời kỳ trong hành lang an toàn đường bộ để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể;

Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ các cột mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của công trình đường bộ;

Phối hợp với Sở Xây dựng, lực lượng Công an, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, Ban Quản lý bảo trì đường bộ thuộc Sở Xây dựng trong quá trình điều tra thống kê, lập biên bản các trường hợp vi phạm đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; cung cấp hồ sơ theo dõi đất dọc hai bên đường đối với các tổ chức, cá nhân; tổng hợp các biên bản vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân

dân tình để thực hiện việc cưỡng chế giải tỏa, thu hồi, điều chỉnh việc cấp đất trước đây chưa phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chủ động kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, tái lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ;

Chủ trì, phối hợp nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ tổ chức ký cam kết không vi phạm phần đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ đến từng tổ chức, hộ gia đình sống hai bên đường;

Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

đ) Huy động lực lượng tham gia thực hiện công tác cưỡng chế giải tỏa các công trình vi phạm trong đất dành cho đường bộ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, Ban Quản lý bảo trì đường bộ thuộc Sở Xây dựng

Thực hiện nghiêm túc công tác tuần đường, tuần kiểm theo quy định tại Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; đảm bảo các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ phải được phát hiện ngay từ ban đầu. Khi phát hiện hành vi vi phạm, phải tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, đồng thời phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và lực lượng Công an nhân dân thực hiện các bước xử lý theo quy định.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và lực lượng chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế, giải tỏa vi phạm; bố trí phương tiện, lực lượng tham gia quá trình cưỡng chế khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các lực lượng có liên quan trong việc bảo vệ, giữ gìn các cột mốc lộ giới của công trình đường bộ.

Thực hiện đầy đủ, đúng các quy định trong hợp đồng đã ký và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

**Điều 11. Trình hoặc chuyển, tiếp nhận, xử lý vụ việc vi phạm hành chính đến cấp có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền**

Việc trình hoặc chuyển, tiếp nhận, xử lý vụ việc vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 336/2025/NĐ-CP.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và xử lý vi phạm hành chính được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý, đùn đẩy, né tránh hoặc chậm trễ trong phối hợp xử lý vi phạm thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ nếu thiếu tinh thần trách nhiệm, bao che, dung túng cho hành vi vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ quy trình phối hợp theo Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 172/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh; xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 13. Phương tiện và kinh phí thực hiện**

1. Cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị mình trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện phối hợp, cơ quan, đơn vị nào cử người tham gia thì cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm thanh toán chế độ cho người tham gia theo quy định hiện hành của Nhà nước. Kinh phí phục vụ công tác cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Đối với quốc lộ, đường tỉnh: Sở Xây dựng, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ bố trí nhân lực, máy móc chuyên dùng để phối hợp thực hiện trên cơ sở kế hoạch cưỡng chế, giải tỏa. Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của từng tuyến đường, tính chất, đặc điểm, địa bàn quản lý các đơn vị lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác này.

3. Đối với đường xã, đường đô thị, đường thôn: Hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế của từng tuyến đường, tính chất, đặc điểm, địa bàn quản lý Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác này. Kinh phí phục vụ công tác cưỡng chế giải tỏa công trình vi phạm thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

### **Điều 14. Công tác kiểm tra, báo cáo**

#### **1. Công tác kiểm tra**

a) Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

b) Định kỳ sáu tháng và một năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì và phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra về trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

#### **2. Công tác báo cáo**

Các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp trong Quy chế này có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện công tác xử lý vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên các đường giao thông thuộc địa bàn quản lý theo quy định sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất cho Sở Xây dựng. Gửi báo cáo trước ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo và đột xuất kết quả thực hiện theo quy định;

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đường bộ Việt Nam. Việc báo cáo thực hiện trước ngày 25 tháng 12 của năm tiếp theo (đối với báo cáo năm) và đột xuất kết quả thực hiện theo quy định.

### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp xử lý dứt điểm đối với các công trình, nhà ở, vật kiến trúc xây dựng vi phạm đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ mà trước đây đã bị cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm, yêu cầu tháo dỡ hoặc đã được bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa thực hiện tháo dỡ hoặc tái lấn chiếm.

Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 099/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 8 năm 2026, Báo cáo số 0229/BC-VPUBND ngày 02/10/2025, Báo cáo số 275/BC-SNNMT ngày 17/4/2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về công tác phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất theo Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Việc cho thuê quỹ đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất sau đây gọi tắt là cho thuê đất ngắn hạn.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức phát triển quỹ đất.
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất ngắn hạn.

#### Điều 3. Đối tượng được thuê đất ngắn hạn

Đối tượng được thuê đất ngắn hạn, gồm tổ chức, cá nhân trong nước (sau đây gọi tắt là người thuê đất).

#### Điều 4. Nguyên tắc cho thuê đất ngắn hạn

- Công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.
- Việc cho thuê đất ngắn hạn phải lập hợp đồng, xác định việc thuê đất tạm thời tương ứng với mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các Điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Người được thuê đất không phải thực hiện việc đăng ký đất đai, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- Thời hạn cho thuê quỹ đất tối đa không quá 05 (năm) năm. Khi hết thời hạn hợp đồng cho thuê hoặc trong thời hạn hợp đồng mà Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất thì phải thanh lý hợp đồng. Người thuê đất không được bồi thường, hỗ trợ tài sản, chi phí đã đầu tư vào đất. Trước khi thanh lý hợp đồng, Tổ chức phát triển quỹ đất phải có văn bản thông báo cho người thuê đất biết chậm nhất là 60 (sáu mươi) ngày.
- Người thuê đất không được xây dựng các công trình kiên cố, không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm. Chỉ được lắp ráp công trình dễ tháo dỡ và phải cam kết tự nguyện tháo dỡ công trình khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng của

Tổ chức phát triển quỹ đất. Người thuê đất phải nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình là 200.000 đồng/m<sup>2</sup> (sau đây gọi tắt là tiền đặt cọc tháo dỡ công trình).

5. Việc cho thuê đất ngắn hạn tại Quy định này không phải đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, không phải đáp ứng yêu cầu về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất như giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

6. Người thuê đất phải chấp hành các quy định về quản lý đất đai, môi trường, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định hiện hành. Không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất liền kề. Không được cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào.

#### **Điều 5. Đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn**

1. Đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ổn định trong 05 (năm) năm.

2. Đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn (đồng/tháng) = Đơn giá cho thuê đất hàng tháng cộng (+) Đơn giá cho thuê tài sản gắn liền với đất hàng tháng (nếu có).

#### **Điều 6. Đơn giá thuê đất ngắn hạn**

1. Đơn giá thuê đất ngắn hạn đối với từng khu đất, thửa đất là đơn giá cao nhất do người thuê đất đề xuất bằng cách ghi trực tiếp vào Đơn đăng ký thuê đất và đảm bảo không thấp hơn đơn giá khởi điểm của từng khu đất, thửa đất đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đơn giá thuê đất ngắn hạn được ổn định trong suốt thời gian cho thuê theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 7. Lập, phê duyệt đơn giá khởi điểm, công bố công khai danh mục cho thuê đất ngắn hạn**

1. Lập, phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn.

Tổ chức phát triển quỹ đất căn cứ tính chất, đặc điểm các khu đất, thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn xây dựng đơn giá khởi điểm, xin ý kiến thống nhất của Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gồm các nội dung chính như sau:

- a) Tên khu đất, thửa đất (Số thửa, số tờ bản đồ địa chính).
- b) Diện tích khu đất, thửa đất.
- c) Mục đích sử dụng đất cho thuê.
- d) Thời hạn cho thuê.
- đ) Đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn.

2. Công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê đất ngắn hạn.

Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê đất ngắn hạn trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Tổ chức phát triển quỹ đất (nếu có) trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố.

Công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê đất ngắn hạn gồm các nội dung chính sau:

- a) Đối tượng được thuê đất.
- b) Nguyên tắc cho thuê đất ngắn hạn.
- c) Danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê (vị trí, diện tích, đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn, mục đích sử dụng, thời gian cho thuê, thời gian và địa điểm mở công khai hồ sơ).
- d) Cách lựa chọn người đủ điều kiện cho thuê đất.

Trường hợp hết thời hạn 30 (ba mươi) ngày mà không có người đăng ký thuê đất thì thực hiện lại việc công bố công khai theo quy định.

### **Điều 8. Tiền đặt trước**

1. Trước ngày mở công bố công khai hồ sơ, người đăng ký thuê đất phải nộp tiền đặt trước vào tài khoản tiền gửi của Tổ chức phát triển quỹ đất mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn tại địa phương.

Tiền đặt trước = 20 % (Hai mươi phần trăm) x Đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn x số tháng thuê đất.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc buổi công bố công khai hồ sơ, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm hoàn trả lại khoản tiền đặt trước cho người đăng ký thuê đất đã nộp nhưng không được lựa chọn cho thuê đất, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

3. Người thuê đất không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia buổi công bố công khai hồ sơ.
- b) Người được lựa chọn cho thuê đất từ chối ký biên bản buổi công bố công khai hồ sơ.
- c) Người được lựa chọn cho thuê đất từ chối ký kết hợp đồng cho thuê đất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai hồ sơ.
- d) Người thuê đất không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền thuê đất theo hợp đồng đã ký.

4. Trường hợp người được lựa chọn cho thuê đất thì khoản tiền đặt trước được chuyển thành tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất.

5. Khoản tiền đặt trước mà người đăng ký thuê đất không được nhận lại theo quy định tại khoản 3 Điều này được tính vào doanh thu của Tổ chức phát triển quỹ đất và hạch toán theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 9. Hồ sơ đăng ký thuê đất**

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố công khai danh mục và đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn, người đăng ký thuê đất mua hồ sơ, thực hiện kê khai thông tin và nộp hồ sơ trực tiếp cho Tổ chức phát triển quỹ đất hồ sơ gồm có:

a) Đơn đăng ký thuê đất (theo Mẫu số 01 kèm theo Quy định này).

b) Các loại giấy tờ (bản sao có chứng thực): Căn cước công dân (đối với cá nhân); Giấy phép kinh doanh (đăng ký doanh nghiệp), căn cước công dân của người đại diện ... (đối với tổ chức).

c) Chứng từ nộp tiền đặt trước (bản phô tô).

Các loại giấy tờ trên được bỏ vào túi đựng hồ sơ dán kín và bỏ vào thùng phiếu có niêm phong đặt tại trụ sở Tổ chức phát triển quỹ đất.

**Điều 10. Tổ chức cho người đăng ký thuê đất khảo sát thực địa**

Trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm tổ chức cho người đăng ký thuê đất khảo sát thực địa. Việc tổ chức khảo sát thực địa được thực hiện trong khoảng thời gian từ 03 (ba) đến 05 (năm) ngày làm việc.

**Điều 11. Lựa chọn người được thuê đất**

1. Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ, Tổ chức phát triển quỹ đất tổ chức buổi công khai mở hồ sơ đăng ký thuê đất để xác định người đủ điều kiện được thuê đất, thành phần buổi làm việc như sau:

a) Tổ chức phát triển quỹ đất - chủ trì.

b) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê.

c) Tổ chức, cá nhân có đơn đăng ký thuê đất.

2. Người được thuê đất là đối tượng tại Điều 3 Quy định này có đơn giá đề xuất thuê đất cao nhất ghi trong Đơn đăng ký thuê đất và không thấp hơn đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn.

Trường hợp có 02 (hai) tổ chức, cá nhân trở lên có đơn giá đề xuất thuê đất cao nhất và bằng nhau thì Tổ chức phát triển quỹ đất tổ chức bốc thăm để xác định tổ chức, cá nhân được quyền thuê đất.

Trường hợp khu đất, thửa đất chỉ có 01 (một) tổ chức, cá nhân có đơn xin thuê đất và có đề xuất đơn giá thuê không thấp hơn đơn giá khởi điểm thì Tổ chức phát triển quỹ đất ký hợp đồng cho thuê đất đối với tổ chức, cá nhân đó.

3. Buổi công khai mở hồ sơ phải lập thành biên bản ghi nhận diễn biến và kết quả lựa chọn người được thuê đất, thực hiện công bố kết quả người được thuê đất trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, trang thông tin điện tử của Tổ chức phát triển quỹ đất.

**Điều 12. Ký hợp đồng thuê đất**

1. Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện ký hợp đồng thuê đất với người thuê đất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày công bố danh sách người

được thuê đất. Trường hợp tổ chức, cá nhân được lựa chọn mà từ chối ký kết hợp đồng thuê đất thì Tổ chức phát triển quỹ đất được lựa chọn ký hợp đồng thuê đất với tổ chức, cá nhân có đơn giá thuê cao nhất liền kề sau và có giá thuê không thấp hơn đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn.

2. Nội dung hợp đồng thuê đất ngắn hạn (theo Mẫu số 02 kèm theo Quy định này).

3. Thời gian nộp tiền thuê đất: Người thuê đất có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo hợp đồng. Khuyến khích người thuê đất nộp tiền một lần cho cả thời gian cho thuê.

### **Điều 13. Bàn giao đất cho thuê**

Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người thuê đất nộp đủ tiền thuê đất theo hợp đồng đã ký, Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện bàn giao đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho người thuê đất để quản lý, sử dụng.

### **Điều 14. Quản lý đất cho thuê**

Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê kiểm tra việc sử dụng đất của người thuê đất, có biện pháp ngăn chặn các trường hợp vi phạm hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm để yêu cầu khắc phục hoặc thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định.

### **Điều 15. Thanh lý, chấm dứt, gia hạn hợp đồng thuê đất**

1. Khi hết thời hạn Hợp đồng thuê đất mà không được gia hạn thì Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện thanh lý Hợp đồng thuê đất.

Người thuê đất có trách nhiệm tháo dỡ công trình, tài sản đã đầu tư trên đất, thực hiện bàn giao nguyên trạng đất và tài sản trên đất (nếu có) cho Tổ chức phát triển quỹ đất và nhận lại tiền đặt cọc tháo dỡ công trình (*cả gốc lẫn lãi; lãi suất được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng thương mại nơi Tổ chức phát triển quỹ đất gửi tiền đặt cọc*) sau khi có biên bản xác nhận việc hoàn thành tháo dỡ tài sản. Trường hợp người thuê đất không tự tháo dỡ công trình để bàn giao đất cho Tổ chức phát triển quỹ đất thì không được nhận lại tiền đặt cọc tháo dỡ công trình công trình (cả gốc lẫn lãi).

2. Trường hợp Người thuê đất không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền thuê đất theo hợp đồng, Tổ chức phát triển quỹ đất sẽ thanh lý hợp đồng thuê đất.

3. Trường hợp Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất mà phải thanh lý hợp đồng thuê đất trước thời hạn thì Người thuê đất phải chấp hành tháo dỡ công trình đã tạo lập trên đất và bàn giao đất thuê, hai bên tiến hành xử lý công nợ và thanh lý hợp đồng.

4. Trường hợp khi thanh lý hợp đồng mà người thuê đất không thực hiện việc tháo dỡ công trình để trả lại mặt bằng thì Tổ chức phát triển quỹ đất được sử dụng số tiền đặt cọc tháo dỡ công trình (cả gốc lẫn lãi) và tiền thuê đất còn lại (nếu có) để tổ chức tháo dỡ, phá dỡ, cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp sau khi hết thời hạn cho thuê đất theo hợp đồng hai bên đã ký kết mà Nhà nước chưa có kế hoạch sử dụng đất thì Tổ chức phát triển quỹ đất được gia hạn hợp đồng cho thuê đất nếu người thuê đất có nhu cầu. Tổng thời gian thuê

đất, kể cả gia hạn, không vượt quá 05 năm. Đơn giá gia hạn hợp đồng là đơn giá thuê đất theo hợp đồng đã ký, nhưng không thấp hơn đơn giá khởi điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đang có hiệu lực tại thời điểm gia hạn.

#### **Điều 16. Nguồn thu từ cho thuê đất ngắn hạn**

Các khoản tiền thu từ cho thuê đất ngắn hạn được tính vào doanh thu của Tổ chức phát triển quỹ đất và hạch toán theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Trách nhiệm thực hiện của Tổ chức phát triển quỹ đất**

1. Tổ chức phát triển quỹ đất triển khai thực hiện các điều khoản tại Quy định này.
2. Thường xuyên kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, ranh, mốc, việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng thuê đất. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả cho thuê đất ngắn hạn.
3. Cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để điều chỉnh danh mục cho thuê đất ngắn hạn cho phù hợp với tình hình thực tế.

#### **Điều 18. Trách nhiệm phối hợp của cơ quan, đơn vị, có liên quan**

1. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến thống nhất về đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn trước khi Tổ chức phát triển quỹ đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất kiểm tra, quản lý đối với các khu đất, thửa đất trong quá trình cho thuê và sử dụng đất theo hợp đồng cho thuê.
3. Công an cấp xã có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương, phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến khu đất, thửa đất cho thuê.

#### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đắk Lắk, ngày .....tháng .... năm .....***ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ ĐẤT**

Kính gửi: Tổ chức phát triển quỹ đất.....

**1. Thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký thuê đất:**

\* Tên tổ chức đăng ký thuê đất : .....

Người đại diện:.....Sinh ngày .....

CCCD số: ..... Cấp ngày .....

Giấy đăng ký kinh doanh: .....

Mã số thuế tổ chức: .....

Địa chỉ liên hệ .....

.....

Số điện thoại ..... Email.....

\* Họ tên người đăng ký thuê đất: .....

Sinh ngày: ..... CCCD số: ..... Cấp ngày .....

Mã số thuế cá nhân: .....

Địa chỉ liên hệ .....

.....

Số điện thoại ..... Email.....

**2. Sau khi tìm hiểu thông tin công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của.....xin đăng ký thuê ngắn hạn khu đất sau:**

a) Thửa đất số.....; tờ bản đồ số ..... thuộc phường (xã).....

.....

b) Diện tích: .....

c) Đơn giá khởi điểm cho thuê: .....đồng/tháng.

d) Đơn giá đề xuất thuê: .....đồng/tháng.

(Bằng chữ: ..... đồng/tháng)

đ) Đăng ký mục đích sử dụng đất: .....

.....

e) Đăng ký diện tích công trình tạm trên đất .....m<sup>2</sup>, tương đương số tiền đặt cọc tháo dỡ công trình phải nộp là (đơn giá tiền đặt cọc là 200.000 đồng/m<sup>2</sup>) .....đồng.

g) Đăng ký thời gian thuê đất: .....tháng.

**3. Khi được Tổ chức phát triển quỹ đất .....  
cho thuê đất ngắn hạn đối với khu đất nêu trên,.....  
.....xin cam kết:**

a) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai. Không xây dựng các công trình kiên cố, không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm, tự nguyện tháo dỡ công trình khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng của Tổ chức phát triển quỹ đất.

b) Nộp tiền thuê đất, tiền cọc tháo dỡ công trình đầy đủ đúng hạn; sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, đúng thời hạn thuê đất, đúng các điều khoản trong hợp đồng thuê đất.

c) Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, các quy định hiện hành liên quan đến việc sử dụng khu đất được thuê.

e) Sau khi hết thời hạn thuê đất hoặc trong thời hạn hợp đồng nhưng Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thanh lý hợp đồng, xin cam kết sẽ bàn giao mặt bằng cho Tổ chức phát triển quỹ đất ..... theo đúng thời hạn thông báo của Tổ chức phát triển quỹ đất ..... và cam kết không yêu cầu, đòi hỏi các khoản bồi thường chi phí đã đầu tư vào đất.

g) Trước khi chấm dứt hợp đồng thuê đất ngắn hạn, tôi xin cam kết thanh toán hết tiền điện, nước, điện thoại, thuế kinh doanh, các loại phí, lệ phí khác... để giao lại mặt bằng cho Tổ chức phát triển quỹ đất.....theo quy định.

Các cam kết khác (nếu có): .....

**Người làm đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Lắk, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT NGẮN HẠN**

Số:...../HĐTĐNH

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số...../2026/QĐ-UBND ngày... tháng .....năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất.*

*Căn cứ Đơn đăng ký thuê đất của.....(tổ chức, cá nhân).*

*Căn cứ kết quả lựa chọn người cho thuê đất theo thông báo ..... ngày ... tháng ... năm.....của Tổ chức phát triển quỹ đất.....*

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại....., chúng tôi gồm:

**I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT:** .....

Đại diện: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

**II. BÊN THUÊ ĐẤT:**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Người đại diện (đối với tổ chức): ..... chức vụ: .....

Sinh năm: ..... CCCD số:..... Cấp ngày .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: .....Email .....

Giấy đăng ký kinh doanh/Mã số thuế (đối với tổ chức):.....

### **III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:**

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê thửa đất/khu đất như sau:

1. Thửa đất số ..... , tờ bản đồ số ..... Diện tích .....m<sup>2</sup> (ghi bằng chữ).....

Tại phường/xã.....

2. Vị trí, ranh giới thửa đất/khu đất: theo trích lục số .....

.....

3. Thời hạn thuê đất .....

....., kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng... năm.....

4. Mục đích sử dụng đất: .....

5. Giá thuê đất .....

6. Tiền cọc về trách nhiệm tháo dỡ công trình tạo lập trên đất:.....

#### **Điều 2. Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán**

1. Giá trị hợp đồng:.....

Ghi bằng chữ: .....

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: .....

3. Thời gian Bên thuê đất có trách nhiệm thực hiện nộp tiền thuê đất, tiền cọc về trách nhiệm tháo dỡ công trình, trước ngày .....

4. Việc cho thuê đất ngắn hạn không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

5. Nội dung khác (nếu có): .....

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên thửa đất được thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

##### **1. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê**

###### **a) Quyền của Bên cho thuê**

Bên cho thuê có quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn khi Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Trường hợp Bên thuê đất không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền thuê đất theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên cho thuê có quyền thanh lý Hợp đồng thuê đất, Bên thuê đất không được nhận lại khoản tiền đặt trước.

Trường hợp khi thanh lý hợp đồng mà Bên thuê đất không thực hiện việc tháo dỡ công trình để trả lại mặt bằng thì Bên cho thuê đất được sử dụng số tiền đặt cọc (cả gốc lẫn lãi) và tiền thuê đất còn lại (nếu có) để thuê nhân công thực hiện phá dỡ hoặc tổ chức cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

### **b) Nghĩa vụ của Bên cho thuê**

Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Trước khi thanh lý hợp đồng, Bên cho thuê đất phải có văn bản thông báo cho Bên thuê đất biết chậm nhất là 60 ngày. Khi Bên thuê đất tự tháo dỡ công trình và bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định thì Bên cho thuê trả lại số tiền thuê đất đã nộp tương ứng với số tháng chưa sử dụng mặt bằng cho Bên thuê đất.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất**

### **a) Quyền của Bên thuê đất**

Được Bên cho thuê đất hoàn trả số tiền thuê đất đã nộp tương ứng với thời gian còn lại trong hợp đồng thuê đất trong trường hợp Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất mà phải thanh lý hợp đồng thuê đất trước thời hạn.

Nhận lại tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình sau khi có Biên bản hoàn tất tháo dỡ bàn giao mặt bằng.

### **b) Nghĩa vụ của Bên thuê đất**

Không được chuyển giao quyền sử dụng thửa đất/khu đất trên cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất mà phải thanh lý hợp đồng thuê đất trước thời hạn thì Bên thuê đất phải chấp hành tháo dỡ công trình đã tạo lập trên đất.

Bên thuê đất không phải thực hiện việc đăng ký đất đai, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, không được xây dựng các công trình kiên cố và phải cam kết tự nguyện tháo dỡ công trình khi nhận được thông báo của Bên cho thuê đất về việc chấm dứt hợp đồng, không được bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất. Bên thuê đất phải nộp khoản tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình.

Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, các quy định hiện hành liên quan đến việc sử dụng khu đất được thuê.

Sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới.

Thanh toán hết tiền điện, nước, điện thoại, thuế kinh doanh, các loại phí, lệ phí khác khi chấm dứt hợp đồng thuê.

**Điều 5.** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Do vi phạm các điều khoản của hợp đồng hai bên đã ký.

**Điều 6.** Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có) .....

**Điều 7.** Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày .....

**Bên thuê đất**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

**Bên cho thuê đất**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 8585868

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)